

Phụ lục
DANH SÁCH THÔNG BÁO DỰ THẢO VÀ QUY ĐỊNH CÓ HIỆU LỰC VỀ CÁC BIỆN PHÁP AN TOÀN THỰC PHẨM
VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG THỰC VẬT (SPS) CỦA THÀNH VIÊN TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO)
TỪ NGÀY 15 - 31/7/2026
(Kèm theo Thông báo số /TB-SPS-BNNMT ngày tháng 7 năm 2026 của Văn phòng SPS Việt Nam)

1. Danh sách thông báo dự thảo lấy ý kiến góp ý

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
1	G/SPS/N/ISR/17	ATTP, BCT	I-xra-en	30/7/2026	I-xra-en thông báo việc áp dụng sửa đổi Quy định Bảo vệ Sức khỏe Cộng đồng (Thực phẩm) đối với các vật liệu và sản phẩm nhựa dự kiến tiếp xúc với thực phẩm (sửa đổi dựa theo Quy định 10/2011 của Liên minh châu Âu)	I-xra-en thông báo việc áp dụng sửa đổi Quy định Bảo vệ Sức khỏe Cộng đồng (Thực phẩm) đối với các vật liệu và sản phẩm nhựa dự kiến tiếp xúc với thực phẩm. Theo đó, quy định cập nhật các thay đổi kỹ thuật dựa theo Quy định 10/2011 của Liên minh châu Âu. Cụ thể, chuyển hoạt động quản lý Bisphenol A (BPA), các bisphenol khác và dẫn xuất của chúng sang một quy định riêng biệt (Quy định 2024/3190), đồng thời bổ sung tiêu mục (6) vào Mục 6 và xóa bỏ chất số 151 (2,2-bis(4-hydroxyphenyl)propane) cùng chất số 154 (4,4'-dihydroxydiphenyl sulphon) khỏi Bảng 1 của Phụ lục I. Bên cạnh đó, danh mục các chất được phép sử dụng tại Bảng 1 thuộc Phụ lục I cũng được cập nhật thông qua việc thay thế thông tin đối với chất số 768 nhằm điều chỉnh tên khoa học và quy định điều kiện chỉ được tiếp xúc với thực phẩm không chứa chất béo. Văn bản cũng bổ sung các chất mang số thứ tự 1084, 1089, 1092, 1093, 1094 và 1096 kèm theo các quy định cụ thể về điều kiện sử dụng, giới hạn nồng độ và giới hạn thời gian. Ngoài ra, quy định sửa đổi điểm 3 tại Bảng 3 của Phụ lục I bằng cách bổ sung chú thích số 31 cho

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						chất số 1094 nhằm ban hành phương pháp kiểm tra tuân thủ chuyên biệt, trong đó yêu cầu sử dụng nước thay cho các chất mô phỏng thực phẩm khi thử nghiệm để đảm bảo đánh giá mức độ phơi nhiễm nghiêm ngặt theo đúng khuyến nghị của Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu. I-xra-en dự kiến áp dụng các thay đổi này vào pháp luật trong nước mà không có bất kỳ sửa đổi, bổ sung điều kiện, ngoại lệ hoặc mở rộng nào so với quy định của EU, đồng thời các ngoại lệ hiện hành trong pháp luật I-xra-en vẫn tiếp tục có hiệu lực. Dự thảo dự kiến có hiệu lực từ ngày 02/8/2026, hạn cuối góp ý dự thảo trước ngày 28/9/2026.
2	G/SPS/N/ISR/16	ATTP, BCT	I-xra-en	30/7/2026	I-xra-en thông báo việc áp dụng các sửa đổi đối với Quy định Bảo vệ Sức khỏe Cộng đồng (Thực phẩm) về việc sử dụng hợp chất Bisphenol A (BPA) trong dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (sửa đổi dựa trên Quy định (EU) 2024/3190, thay thế Quy định (EU) 10/2011 hiện hành của Liên minh châu Âu).	I-xra-en thông báo việc áp dụng các sửa đổi đối với Quy định Bảo vệ Sức khỏe Cộng đồng (Thực phẩm) về việc sử dụng hợp chất Bisphenol A (BPA) trong dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm. Theo đó, quy định được sửa đổi dựa trên Quy định (EU) 2024/3190, thay thế Quy định (EU) 10/2011 hiện hành của Liên minh châu Âu. Dự thảo quy định lệnh cấm chung đối với việc sử dụng BPA và các bisphenol khác có đặc tính nguy hiểm, đồng thời đưa ra cơ chế ngăn chặn việc sử dụng các chất thay thế có rủi ro tương tự. Việc sử dụng các chất này chỉ được phép trong một số ngoại lệ hẹp cho các mục đích thiết yếu, với điều kiện tuyệt đối không xảy ra sự phơi nhiễm vào thực phẩm. Quy định này áp dụng đối với các nhà nhập khẩu hợp lệ qua tuyến Châu Âu, các nhà sản xuất có phê duyệt hợp lệ cùng các nhà phân phối thu mua từ những đối tượng này. Nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp kinh doanh

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						thực phẩm và chuỗi cung ứng có thời gian thích ứng, quy định ban hành lộ trình chuyển tiếp cụ thể đối với từng nhóm sản phẩm. Đối với nhóm vật phẩm tiếp xúc với thực phẩm dùng một lần được sản xuất trước ngày quy định có hiệu lực, doanh nghiệp được phép tiếp tục sử dụng để đóng gói và niêm phong thực phẩm trong thời hạn 12 tháng cho đến khi cạn kiệt hàng tồn kho. Riêng đối với một số bao bì đặc thù dùng để bảo quản trái cây, rau quả không bao gồm nước ép và mật hoa, các sản phẩm từ cá, hoặc bao bì có lớp sơn bóng và lớp phủ sử dụng Bisphenol A chỉ trên bề mặt kim loại bên ngoài, thời hạn được phép đưa ra thị trường lần đầu kéo dài đến ngày 20/01/2028 và doanh nghiệp được tiếp tục sử dụng để đóng gói thêm 12 tháng kể từ mốc thời gian này. Đối với nhóm vật phẩm tiếp xúc với thực phẩm dùng nhiều lần được sản xuất trước ngày quy định có hiệu lực, sản phẩm được phép tiếp tục lưu thông trên thị trường cho đến ngày 20/7/2027. Đồng thời, các loại vật phẩm dùng nhiều lần đóng vai trò là thiết bị sản xuất thực phẩm chuyên nghiệp có thể được đưa ra thị trường lần đầu đến ngày 20/01/2028 và được phép duy trì lưu hành cho đến ngày 20/01/2029. Dự thảo này có hiệu lực vào ngày 02/8/2026. Thời hạn góp ý trước ngày 28/9/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
3	G/SPS/N/USA/3585	CNTY	Hoa Kỳ	30/7/2026	Hoa Kỳ dự thảo sửa đổi quy định về phụ gia thực phẩm nhằm cho phép sử dụng ethyl cellulose trong thức ăn chăn nuôi.	Hoa Kỳ dự thảo sửa đổi quy định về phụ gia thực phẩm nhằm cho phép sử dụng ethyl cellulose trong thức ăn chăn nuôi. Đề xuất này dựa trên Đơn yêu cầu phê duyệt từ Tập đoàn Evonik, đề nghị Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA) sửa đổi Điều 21 CFR phần 573 để cho phép sử dụng an toàn ethyl cellulose làm chất kết dính và chất phủ trên các axit amin được bổ sung vào thức ăn cho động vật nhai lại. Người nộp đơn tuyên bố hành động này thuộc diện loại trừ phân tích tác động môi trường (categorical exclusion) do không có tác động đáng kể. Nếu FDA xác định diện loại trừ này không áp dụng, cơ quan sẽ yêu cầu đánh giá môi trường và công khai tài liệu để lấy ý kiến.
4	G/SPS/N/MAR/122	BCT	Ma-rốc	29/7/2026	Ma-rốc dự thảo Nghị định sửa đổi và bổ sung Nghị định số 356-25 ngày 12 tháng Chaabane năm 1446 (ngày 11/02/2025) quy định về tên gọi và đặc tính của các loại nước xốt (nước chấm) lưu thông trên thị trường.	Ma-rốc dự thảo Nghị định sửa đổi và bổ sung Nghị định số 356-25 ngày 12 tháng Chaabane năm 1446 (ngày 11/02/2025) quy định về tên gọi và đặc tính của các loại nước xốt (nước chấm) lưu thông trên thị trường. Cụ thể, dự thảo bổ sung thêm danh mục sản phẩm mới "Nước tương Extra" (Sauce de Soja Extra) với yêu cầu nghiêm ngặt về hàm lượng nitor tổng số phải đạt từ 1.5% trở lên và độ chiết xuất khô từ 15% trở lên. Đồng thời, văn bản cũng sửa đổi các thông số kỹ thuật áp dụng đối với nước tương thông thường và các phân loại mù tạt. Theo đó, đối với nguyên liệu làm mù tạt, hạt phải chín, khô mạnh, không chứa quá 2% tạp chất; riêng dòng Mù tạt Dijon không được phép chứa các chất bột, chất làm đặc hoặc chất kết dính. Bên cạnh đó, dự thảo cập nhật danh sách các thành phần được phép bổ sung vào nhiều loại nước xốt nhằm phân

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						ánh chính xác hơn thực tiễn sản xuất của ngành. Việc bổ sung này cho phép các nhà sản xuất sử dụng các nguyên liệu như giấm, đường saccharose, trái cây, tinh bột, các sản phẩm từ sữa và gia vị. Đặc biệt, dự thảo tiến hành sửa đổi một số tiêu chí lý hóa bắt buộc đối với tương ớt harissa, tương cà (sauce tomate) và ketchup. Theo đó, Ketchup phải đạt độ chiết xuất khô tối thiểu 4% và hàm lượng muối từ 5% trở xuống. Đối với tương cà (sauce tomate), độ chiết xuất khô được quy định trong khoảng từ 10% đến 20%, trong khi tương ớt harissa yêu cầu độ chiết xuất khô tối thiểu 10% (đã trừ lượng muối) và độ axit tổng không được vượt quá 3.6%. Nhằm tạo điều kiện chuyển tiếp, dự thảo cho phép các sản phẩm nước xốt được sản xuất trước ngày quyết định có hiệu lực vẫn tiếp tục được phân phối cho đến khi hết hàng tồn kho. Quy định dự kiến có hiệu lực sau 6 tháng kể từ ngày công bố chính thức. Thời hạn góp ý đến ngày 27/9/2026
5	G/SPS/N/MAR/121	TTBVT	Ma-rốc	28/7/2026	Ma-rốc dự thảo Nghị định quy định về chất lượng và an toàn vệ sinh đối với các loại gia vị và thảo mộc sấy khô dùng trong ẩm thực lưu thông trên thị trường.	Ma-rốc dự thảo Nghị định quy định về chất lượng và an toàn vệ sinh đối với các loại gia vị và thảo mộc sấy khô dùng trong ẩm thực lưu thông trên thị trường. Theo dự thảo, gia vị và thảo mộc khô chỉ được phép lưu thông dưới tên gọi và đặc tính theo quy định của Ma-rốc hoặc theo tiêu chuẩn Codex Alimentarius nếu chưa có quy định quốc gia. Sản phẩm phải có mùi, màu sắc và hương vị đặc trưng, không có mùi ôi, mốc hoặc tạp chất; cho phép phối trộn gia vị khi ghi nhãn đầy đủ thành phần nhưng nghiêm cấm việc kinh doanh gia vị đã bị chiết xuất một phần hoặc hoàn toàn, cũng như pha trộn với tạp chất hoặc các chất không thuộc thành phần tự nhiên của

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						sản phẩm. Dự thảo cũng quy định các cơ sở sản xuất, chế biến, sấy khô, đóng gói, bảo quản phải được cấp phép về điều kiện vệ sinh, bảo đảm truy xuất nguồn gốc, đáp ứng quy định về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, chất ô nhiễm và tiêu chí vi sinh, đồng thời chỉ được sử dụng các phụ gia thực phẩm được phép và thực hiện ghi nhãn theo quy định hiện hành. Dự thảo phù hợp với các tiêu chuẩn Codex Alimentarius đối với nhiều loại gia vị và thảo mộc khô như hạt tiêu, thì là, cỏ xạ hương, oregano, gừng, đinh hương, húng quế, tỏi, nghệ và nghệ tây. Quy định dự kiến có hiệu lực sau 6 tháng kể từ ngày công bố. Thời hạn góp ý dự thảo trước ngày 26/9/2026.
6	G/SPS/N/MAR/120	BCT	Ma-rốc	28/7/2026	Ma-rốc dự thảo Nghị định sửa đổi và bổ sung Nghị định số 2-21-01 ngày 12 tháng Chaabane năm 1442 (ngày 26/3/2021) quy định về chất lượng và an toàn vệ sinh đối với mút trái cây và các sản phẩm tương tự khác lưu thông trên thị trường.	Ma-rốc dự thảo Nghị định sửa đổi và bổ sung Nghị định số 2-21-01 ngày 12 tháng Chaabane năm 1442 (ngày 26/3/2021) quy định về chất lượng và an toàn vệ sinh đối với mút trái cây và các sản phẩm tương tự khác lưu thông trên thị trường. Theo đó, dự thảo tập trung giảm hàm lượng chất khô hòa tan tối thiểu từ 60% xuống còn 55%; bổ sung quy định đối với các sản phẩm ghi nhãn dinh dưỡng "Light" hoặc "Ít đường", theo đó lượng đường bổ sung phải thấp hơn ít nhất 30 g/100 g so với sản phẩm tương tự; đồng thời điều chỉnh tăng hàm lượng tối thiểu của quả, thịt quả, nước ép, dịch chiết hoặc vỏ quả sử dụng trong sản

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						xuất một số loại mứt, mứt đông, mứt cao cấp và các sản phẩm tương tự. Bên cạnh đó, dự thảo thay thế toàn bộ phụ lục hiện hành bằng phụ lục mới, quy định chi tiết hàm lượng tối thiểu của nguyên liệu trái cây đối với từng nhóm sản phẩm. Dự kiến có hiệu lực sau 6 tháng kể từ ngày công bố. Thời hạn góp ý dự thảo trước ngày 26/9/2026.
7	G/SPS/N/MAR/119	BCT	Ma-rốc	28/7/2026	Ma-rốc dự thảo Nghị định sửa đổi và bổ sung Nghị định số 2-75-321 ngày 25 tháng Chaabane năm 1397 (ngày 12/8/1977) về việc sản xuất, tàng trữ, lưu thông và kinh doanh rượu vang.	Ma-rốc dự thảo Nghị định sửa đổi và bổ sung Nghị định số 2-75-321 ngày 25 tháng Chaabane năm 1397 (ngày 12/8/1977) về việc sản xuất, tàng trữ, lưu thông và kinh doanh rượu vang. Theo đó, Dự thảo sửa đổi bổ sung một số nội dung đáng chú ý bao gồm: giảm nồng độ cồn tối thiểu của “rượu vang bàn/rượu vang thông thường” từ 12° xuống 11,5°; giảm giới hạn axit bay hơi từ 0,98 g/l xuống 0,90 g/l; bổ sung danh mục “Rượu vang chất lượng cao (VQS)” đối với rượu vang Ma-rốc có độ cồn từ 12° trở lên và yêu cầu khai báo sản lượng; bổ sung quy định về dung tích bao gói đối với rượu vang thông thường, rượu vang chất lượng cao, rượu vang lâu năm, rượu vang có chú thích xuất xứ, rượu vang sủi bọt và rượu vermouth; đồng thời bổ sung khái niệm “rượu vang khử cồn” và “rượu vang khử cồn một phần”. Dự thảo cũng quy định các phương pháp khử cồn được phép áp dụng gồm bay hơi chân không, công nghệ màng và chưng cất, với điều kiện không làm thay đổi đặc tính cảm quan của sản phẩm. Bên cạnh đó, Ma-rốc đề xuất tăng cường quản lý chuỗi sản xuất và thương mại rượu vang thông qua yêu cầu cơ

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						sở sản xuất, chế biến, đóng gói, bảo quản, vận chuyển và kinh doanh phải được phê duyệt về điều kiện vệ sinh; áp dụng truy xuất nguồn gốc; kiểm soát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và chất ô nhiễm; quy định khai báo trước đối với hoạt động làm giàu dịch nho và cô đặc rượu; đồng thời giao Cơ quan Quốc gia về An toàn Thực phẩm (ONSSA) và Cơ quan Hải quan và Thuế gián thu (ADII) thực hiện thủ tục cấp phép hoạt động sản xuất rượu vang. Dự thảo dự kiến có hiệu lực sau 6 tháng kể từ ngày công bố. Thời hạn góp ý dự thảo trước ngày 26/9/2026.
8	G/SPS/N/KOR/850	ATTP	Hàn Quốc	28/7/2026	Hàn Quốc dự thảo sửa đổi Luật Đặc biệt về quản lý an toàn thực phẩm nhập khẩu.	Hàn Quốc dự thảo sửa đổi Luật Đặc biệt về quản lý an toàn thực phẩm nhập khẩu. Theo dự thảo, Hàn Quốc đề xuất bổ sung các quy định cấm các nền tảng trung gian thương mại điện tử (mail-order brokerage) hỗ trợ giao dịch đối với thực phẩm mua trực tiếp từ nước ngoài có chứa nguyên liệu hoặc thành phần bị cấm nhập khẩu vào Hàn Quốc. Đồng thời, Bộ trưởng Bộ An toàn Thực phẩm và Dược phẩm (MFDS) được trao quyền yêu cầu các nền tảng trung gian ngừng hoặc cấm hoạt động môi giới bán hàng và áp dụng các biện pháp cần thiết khi xác định thực phẩm mua trực tiếp từ nước ngoài gây hoặc có nguy cơ gây hại đến tính mạng, sức khỏe của người tiêu dùng. Dự thảo cũng quy định các nền tảng trung gian thương mại điện tử phải chấm dứt hoạt động môi giới và báo cáo cho Bộ An toàn Thực phẩm và Dược phẩm khi phát hiện thực phẩm mua trực tiếp từ nước ngoài có chứa nguyên liệu hoặc thành phần thuộc diện bị chặn nhập khẩu vào Hàn Quốc. Trường hợp không thực hiện nghĩa vụ ngừng môi giới, không báo cáo hoặc không chấp hành lệnh của

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						cơ quan có thẩm quyền, đối tượng sẽ bị xử phạt theo quy định. Quy định dự kiến có hiệu lực sau 6 tháng kể từ ngày công bố. Thời hạn góp ý đối với dự thảo đến hết ngày 26/9/2026.
9	G/SPS/N/JPN/1424	TTBVTV, CNTY	Nhật Bản	28/7/2026	Nhật Bản dự thảo sửa đổi giới hạn dư lượng tối đa (MRL) của hoạt chất Acephate trong ngô và cỏ khô dùng làm thức ăn chăn nuôi.	Nhật Bản dự thảo sửa đổi giới hạn dư lượng tối đa (MRL) của hoạt chất Acephate trong ngô và cỏ khô dùng làm thức ăn chăn nuôi. Theo đó, Nhật Bản đề xuất điều chỉnh MRL của ngô dùng làm thức ăn chăn nuôi giảm từ 0,5 mg/kg xuống 0,3 mg/kg; cỏ khô giảm từ 3 mg/kg xuống 0,4 mg/kg. Dự thảo tiếp tục quy định dư lượng để kiểm soát là tổng của Acephate và chất chuyển hóa Methamidophos, quy đổi về Acephate. Đồng thời Dự thảo quy định cỏ khô bao gồm cỏ khô, thức ăn thô khô, rơm, cỏ tươi và thức ăn ủ chua, với MRL được tính trên cơ sở 90% chất khô. Nhật Bản dự kiến thông qua và công bố quy định vào tháng 12/2026, quy định sẽ có hiệu lực sau 6 tháng kể từ ngày công bố. Thời hạn góp ý dự thảo trước ngày 26/9/2026.
10	G/SPS/N/BRA/2520	TTBVTV, LNKL	Bra-xin	28/7/2026	Bra-xin dự thảo Nghị quyết số 1.410 về việc cập nhật chuyên luận của hoạt chất F72 - Fluopiram đối với Danh mục hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm diệt sinh vật gây hại dùng trong vệ sinh và chất bảo quản gỗ.	Bra-xin dự thảo Nghị quyết số 1.410 về việc cập nhật chuyên luận của hoạt chất F72 - Fluopiram đối với Danh mục hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm diệt sinh vật gây hại dùng trong vệ sinh và chất bảo quản gỗ. Cụ thể, dự thảo đề xuất bổ sung các thông số kỹ thuật vào chuyên luận của hoạt chất này bao gồm trọng lượng phân tử (396,72 g/mol), áp suất hơi ($1,2 \times 10^{-6}$ Pa ở 20°C), mức tiếp xúc nghề nghiệp chấp nhận được (AOEL) là 0,05 mg/kg thể trọng/ngày, mức tiếp xúc nghề nghiệp

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						cấp tính chấp nhận được (AAOEL) không được thiết lập và thông tin về phân loại độc tính. Thời hạn góp ý dự thảo trước ngày 26/9/2026.
11	G/SPS/N/BRA/2519	TTBVTV, LNKL	Bra-xin	28/7/2026	Bra-xin dự thảo Nghị quyết số 1.408 về việc cập nhật chuyên luận của hoạt chất C66 - Ciazofamida đối với Danh mục hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm diệt sinh vật gây hại dùng trong vệ sinh và chất bảo quản gỗ.	Bra-xin dự thảo Nghị quyết số 1.408 về việc cập nhật chuyên luận của hoạt chất C66 - Ciazofamida đối với Danh mục hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm diệt sinh vật gây hại dùng trong vệ sinh và chất bảo quản gỗ. Cụ thể, dự thảo đề xuất bổ sung các thông số kỹ thuật vào chuyên luận của hoạt chất này bao gồm trọng lượng phân tử (324,79 g/mol), áp suất hơi ($1,3 \times 10^{-5}$ Pa ở 20°C), mức tiếp xúc nghề nghiệp chấp nhận được (AOEL) là 0,045 mg/kg thể trọng/ngày, mức tiếp xúc nghề nghiệp cấp tính chấp nhận được (AAOEL) không được thiết lập và thông tin về phân loại độc tính. Thời hạn góp ý dự thảo trước ngày 26/9/2026.
12	G/SPS/N/BRA/2518	TTBVTV, LNKL	Bra-xin	28/7/2026	Bra-xin dự thảo Nghị quyết số 1.407 về việc cập nhật chuyên luận của hoạt chất B41 - Boscalida đối với Danh mục hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm diệt sinh vật gây hại dùng trong vệ sinh và chất bảo quản gỗ.	Bra-xin dự thảo Nghị quyết số 1.407 về việc cập nhật chuyên luận của hoạt chất B41 - Boscalida đối với Danh mục hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm diệt sinh vật gây hại dùng trong vệ sinh và chất bảo quản gỗ. Cụ thể, dự thảo đề xuất bổ sung các thông số kỹ thuật vào chuyên luận của hoạt chất này bao gồm trọng lượng phân tử (343,21 g/mol), áp suất hơi ($7,2 \times 10^{-7}$ Pa ở 20°C), mức tiếp xúc nghề nghiệp chấp nhận được (AOEL) là 0,1 mg/kg thể trọng/ngày, mức tiếp xúc nghề nghiệp cấp tính chấp nhận được (AAOEL) không được thiết lập và thông tin về phân loại độc tính. Thời hạn góp ý dự thảo trước ngày 26/9/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
13	G/SPS/N/BRA/2517	TTBVTV, LNK	Bra-xin	28/7/2026	Bra-xin dự thảo Nghị quyết số 1.406 về việc cập nhật chuyên luận của hoạt chất T12 - Tiabendazol đối với Danh mục hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm diệt sinh vật gây hại dùng trong vệ sinh và chất bảo quản gỗ.	Bra-xin dự thảo Nghị quyết số 1.406 về việc cập nhật chuyên luận của hoạt chất T12 - Tiabendazol đối với Danh mục hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm diệt sinh vật gây hại dùng trong vệ sinh và chất bảo quản gỗ. Cụ thể, dự thảo đề xuất bổ sung các thông số kỹ thuật vào chuyên luận của hoạt chất này bao gồm trọng lượng phân tử (420,43 g/mol), áp suất hơi ($5,3 \times 10^{-7}$ Pa ở 20°C), mức tiếp xúc nghề nghiệp chấp nhận được (AOEL) là 0,07 mg/kg thể trọng/ngày, mức tiếp xúc nghề nghiệp cấp tính chấp nhận được (AAOEL) không được thiết lập và thông tin về phân loại độc tính. Thời hạn góp ý dự thảo trước ngày 26/9/2026.
14	G/SPS/N/BRA/2516	TTBVTV, LNK	Bra-xin	28/7/2026	Bra-xin dự thảo Nghị quyết số 1.405 về việc cập nhật chuyên luận của hoạt chất P54 - Proexadiona cálcica đối với Danh mục hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm diệt sinh vật gây hại dùng trong vệ sinh và chất bảo quản gỗ.	Bra-xin dự thảo Nghị quyết số 1.405 về việc cập nhật chuyên luận của hoạt chất P54 - Proexadiona cálcica đối với Danh mục hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm diệt sinh vật gây hại dùng trong vệ sinh và chất bảo quản gỗ. Cụ thể, dự thảo đề xuất bổ sung các thông số kỹ thuật vào chuyên luận của hoạt chất này bao gồm trọng lượng phân tử (268,27 g/mol), áp suất hơi ($1,3 \times 10^{-5}$ Pa ở 20°C), mức tiếp xúc nghề nghiệp chấp nhận được (AOEL) là 0,35 mg/kg thể trọng/ngày, mức tiếp xúc nghề nghiệp cấp tính chấp nhận được (AAOEL) không được thiết lập và thông tin về phân loại độc tính. Thời hạn góp ý dự thảo trước ngày 26/9/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
15	G/SPS/N/BRA/2515	TTBVTV, LNK	Bra-xin	28/7/2026	Bra-xin dự thảo Nghị quyết số 1.404 về việc cập nhật chuyên luận của hoạt chất P53 - Protioconazol đối với Danh mục hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm diệt sinh vật gây hại dùng trong vệ sinh và chất bảo quản gỗ.	Bra-xin dự thảo Nghị quyết số 1.404 về việc cập nhật chuyên luận của hoạt chất P53 - Protioconazol đối với Danh mục hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm diệt sinh vật gây hại dùng trong vệ sinh và chất bảo quản gỗ. Cụ thể, dự thảo đề xuất bổ sung các thông số kỹ thuật vào chuyên luận của hoạt chất này bao gồm trọng lượng phân tử (344,26 g/mol), áp suất hơi ($7,4 \times 10^{-10}$ Pa ở 20°C), mức tiếp xúc nghề nghiệp chấp nhận được (AOEL) là 0,036 mg/kg thể trọng/ngày, mức tiếp xúc nghề nghiệp cấp tính chấp nhận được (AAOEL) là 0,2 mg/kg thể trọng/ngày và thông tin về phân loại độc tính. Thời hạn góp ý trước ngày 26/9/2026.
16	G/SPS/N/BRA/2525	TTBVTV, LNK	Bra-xin	28/7/2026	Bra-xin dự thảo Nghị quyết số 1.411 về việc cập nhật chuyên luận của hoạt chất H05 - Hexitiazoxi đối với Danh mục hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm diệt sinh vật gây hại dùng trong vệ sinh và chất bảo quản gỗ.	Bra-xin dự thảo Nghị quyết số 1.411 về việc cập nhật chuyên luận của hoạt chất H05 - Hexitiazoxi đối với Danh mục hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm diệt sinh vật gây hại dùng trong vệ sinh và chất bảo quản gỗ. Cụ thể, dự thảo đề xuất bổ sung các thông số kỹ thuật vào chuyên luận của hoạt chất này bao gồm trọng lượng phân tử (352,88 g/mol), áp suất hơi ($1,3 \times 10^{-6}$ Pa ở 20°C), mức tiếp xúc nghề nghiệp chấp nhận được (AOEL) là 0,009 mg/kg thể trọng/ngày, mức tiếp xúc nghề nghiệp cấp tính chấp nhận được (AAOEL) không được thiết lập và thông tin về phân loại độc tính. Thời hạn góp ý dự thảo trước ngày 26/9/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
17	G/SPS/N/BRA/2524	TTBVTV, LNK	Bra-xin	28/7/2026	Bra-xin dự thảo Nghị quyết số 1.412 về việc cập nhật chuyên luận của hoạt chất M26 - Metsulfurom metílico đối với Danh mục hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm diệt sinh vật gây hại dùng trong vệ sinh và chất bảo quản gỗ.	Bra-xin dự thảo Nghị quyết số 1.412 về việc cập nhật chuyên luận của hoạt chất M26 - Metsulfurom metílico đối với Danh mục hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm diệt sinh vật gây hại dùng trong vệ sinh và chất bảo quản gỗ. Cụ thể, dự thảo đề xuất bổ sung các thông số kỹ thuật vào chuyên luận của hoạt chất này bao gồm trọng lượng phân tử (381,36 g/mol), áp suất hơi ($1,1 \times 10^{-9}$ Pa ở 20°C), mức tiếp xúc nghề nghiệp chấp nhận được (AOEL) là 0,25 mg/kg thể trọng/ngày, mức tiếp xúc nghề nghiệp cấp tính chấp nhận được (AAOEL) không được thiết lập và thông tin về phân loại độc tính. Thời hạn góp ý dự thảo trước ngày 26/9/2026.
18	G/SPS/N/BRA/2523	TTBVTV, LNK	Bra-xin	28/7/2026	Bra-xin dự thảo Nghị quyết số 1.402 về việc cập nhật chuyên luận của hoạt chất E24 - Espinosade đối với Danh mục hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm diệt sinh vật gây hại dùng trong vệ sinh và chất bảo quản gỗ.	Bra-xin dự thảo Nghị quyết số 1.402 về việc cập nhật chuyên luận của hoạt chất E24 - Espinosade đối với Danh mục hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm diệt sinh vật gây hại dùng trong vệ sinh và chất bảo quản gỗ. Cụ thể, dự thảo đề xuất bổ sung các thông số kỹ thuật vào chuyên luận của hoạt chất này bao gồm trọng lượng phân tử (731,96 g/mol), áp suất hơi (Espinosina A là $2,0 \times 10^{-5}$ ở 20°C và Espinosina D là $4,0 \times 10^{-6}$ Pa ở 20°C), mức tiếp xúc nghề nghiệp chấp nhận được (AOEL) là 0,02 mg/kg thể trọng/ngày, mức tiếp xúc nghề nghiệp cấp tính chấp nhận được (AAOEL) là 0,04 mg/kg thể trọng/ngày và thông tin về phân loại độc tính. Thời hạn góp ý dự thảo trước ngày 26/9/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
19	G/SPS/N/BRA/2522	TTBVTV, LNK	Bra-xin	28/7/2026	Bra-xin dự thảo Nghị quyết số 1.401 về việc cập nhật chuyên luận của hoạt chất C74 - Ciantraniliprole đối với Danh mục hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm diệt sinh vật gây hại dùng trong vệ sinh và chất bảo quản gỗ.	Bra-xin dự thảo Nghị quyết số 1.401 về việc cập nhật chuyên luận của hoạt chất C74 - Ciantraniliprole đối với Danh mục hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm diệt sinh vật gây hại dùng trong vệ sinh và chất bảo quản gỗ. Cụ thể, dự thảo đề xuất bổ sung các thông số kỹ thuật vào chuyên luận của hoạt chất này bao gồm trọng lượng phân tử (473,71 g/mol), áp suất hơi ($5,1 \times 10^{-15}$ Pa ở 20°C), mức tiếp xúc nghề nghiệp chấp nhận được (AOEL) là 0,007 mg/kg thể trọng/ngày, mức tiếp xúc nghề nghiệp cấp tính chấp nhận được (AAOEL) không được thiết lập và thông tin về phân loại độc tính. Thời hạn góp ý dự thảo trước ngày 26/9/2026
20	G/SPS/N/BRA/2521	TTBVTV, LNK	Bra-xin	28/7/2026	Bra-xin dự thảo Nghị quyết số 1.409 về việc cập nhật chuyên luận của hoạt chất F49 - Fludioxonil đối với Danh mục hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm diệt sinh vật gây hại dùng trong vệ sinh và chất bảo quản gỗ.	Bra-xin dự thảo Nghị quyết số 1.409 về việc cập nhật chuyên luận của hoạt chất F49 - Fludioxonil đối với Danh mục hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm diệt sinh vật gây hại dùng trong vệ sinh và chất bảo quản gỗ. Cụ thể, dự thảo đề xuất bổ sung các thông số kỹ thuật vào chuyên luận của hoạt chất này bao gồm trọng lượng phân tử (248,19 g/mol), áp suất hơi ($3,9 \times 10^{-7}$ Pa ở 20°C), mức tiếp xúc nghề nghiệp chấp nhận được (AOEL) là 0,2 mg/kg thể trọng/ngày, mức tiếp xúc nghề nghiệp cấp tính chấp nhận được (AAOEL) là 0,56 mg/kg thể trọng/ngày và thông tin về phân loại độc tính. Thời hạn góp ý dự thảo trước ngày 26/9/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
21	G/SPS/N/BRA/2514	TTBVTV, LNKL	Bra-xin	28/7/2026	Bra-xin dự thảo Nghị quyết số 1.403 về việc cập nhật chuyên luận của hoạt chất P34 - Piriproxifem đối với Danh mục hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm diệt sinh vật gây hại dùng trong vệ sinh và chất bảo quản gỗ.	Bra-xin dự thảo Nghị quyết số 1.403 về việc cập nhật chuyên luận của hoạt chất P34 - Piriproxifem đối với Danh mục hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm diệt sinh vật gây hại dùng trong vệ sinh và chất bảo quản gỗ. Cụ thể, dự thảo đề xuất bổ sung các thông số kỹ thuật vào chuyên luận của hoạt chất này bao gồm trọng lượng phân tử (321,37 g/mol), áp suất hơi ($1,3 \times 10^{-5}$ Pa ở 20°C), mức tiếp xúc nghề nghiệp chấp nhận được (AOEL) là 0,04 mg/kg thể trọng/ngày, mức tiếp xúc nghề nghiệp cấp tính chấp nhận được (AAOEL) là 0,4 mg/kg thể trọng/ngày và thông tin về phân loại độc tính. Thời hạn góp ý dự thảo trước ngày 26/9/2026.
22	G/SPS/N/USA/3584	TTBVTV	Hoa Kỳ	27/7/2026	Hoa Kỳ đề xuất hủy bỏ việc sử dụng phẩm màu Citrus Red No. 2 trên vỏ của cam đã chín đối với danh mục chất phụ gia màu.	Hoa Kỳ đề xuất hủy bỏ việc sử dụng phẩm màu Citrus Red No. 2 trên vỏ của cam đã chín đối với danh mục chất phụ gia màu. Theo đó, dựa trên dữ liệu được kiểm định bởi Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA), Citrus Red No. 2 đã không được sử dụng để tạo màu cho vỏ cam và chưa được chứng nhận để sử dụng làm chất phụ gia màu trong thực phẩm được thương mại hóa tại Hoa Kỳ kể từ năm 2020. Do vậy, việc cấp phép sử dụng đối với Citrus Red No. 2 đã lỗi thời và không cần thiết. Thời gian chuyển tiếp kéo dài 1 năm tính từ ngày lệnh có hiệu lực để tiêu thụ hết các lô sản phẩm còn tồn đọng đã được chứng nhận trước khi chính thức áp dụng các biện pháp mới. Thời hạn góp ý trước ngày 24/8/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
23	G/SPS/N/JPN/1423	TTBVTV	Nhật Bản	27/7/2026	Nhật Bản dự thảo sửa đổi giới hạn dư lượng tối đa (MRL) của hoạt chất Phenthoate trong lúa mì dùng làm thức ăn chăn nuôi.	Nhật Bản dự thảo sửa đổi giới hạn dư lượng tối đa (MRL) của hoạt chất Phenthoate trong lúa mì dùng làm thức ăn chăn nuôi. Theo dự thảo, mức MRL của hoạt chất Phenthoate trong lúa mì sử dụng làm thức ăn chăn nuôi được đề xuất điều chỉnh từ 0,4 mg/kg lên 0,5 mg/kg, đồng thời tiếp tục áp dụng định nghĩa dư lượng phục vụ kiểm soát là Phenthoate. Nhật Bản dự kiến thông qua và công bố quy định vào tháng 12/2026, quy định sẽ có hiệu lực ngay từ ngày công bố. Thông báo này được xác định là biện pháp tạo thuận lợi thương mại và không áp dụng thời hạn lấy ý kiến góp ý.
24	G/SPS/N/UKR/274	CNTY	U-crai-na	27/7/2026	U-crai-na dự thảo sửa đổi Quyết định số 262 ngày 11/6/2018 về thủ tục kiểm soát của nhà nước đối với các cơ sở xuất khẩu và Sổ đăng ký nhà nước/cơ sở được phép nhập khẩu sản phẩm vào U-crai-na.	U-crai-na dự thảo sửa đổi Quyết định số 262 ngày 11/6/2018 về thủ tục kiểm soát của nhà nước đối với các cơ sở xuất khẩu và Sổ đăng ký nhà nước/cơ sở được phép nhập khẩu sản phẩm vào U-crai-na. Đối với Quy trình kiểm tra nhà nước hiện hành áp dụng cho các cơ sở tại nước xuất khẩu được phép nhập khẩu sản phẩm vào U-crai-na, dự thảo thực hiện điều chỉnh khoản 1 bằng việc bổ sung quy định loại trừ. Theo đó, quy trình này chính thức không áp dụng đối với việc kiểm tra nhà nước đối với các cơ sở hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến và lưu giữ vật liệu sinh sản. Dự thảo ban hành Quy trình kiểm tra nhà nước đối với các cơ sở tại nước xuất khẩu được phép nhập khẩu động vật sống và vật liệu sinh sản vào lãnh thổ hải quan U-crai-na, quy định các cơ chế kiểm tra cụ thể do cơ quan thẩm quyền U-crai-na thực hiện thông qua hình thức thẩm định nhằm đánh giá sự tương đương trong hệ thống kiểm soát của nước xuất khẩu.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu phải gửi yêu cầu kèm theo các cam kết bằng văn bản về việc đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn thú y, phúc lợi động vật và duy trì cơ chế kiểm soát thường xuyên. Trong quá trình kiểm tra, các nội dung trọng tâm được xem xét bao gồm mã số đăng ký duy nhất, hệ thống truy xuất nguồn gốc, công tác phòng chống dịch bệnh, điều kiện cách ly và việc duy trì sổ sách lưu trữ thông tin tối thiểu trong thời gian 3 năm đối với động vật sống, cũng như việc tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đối với vật liệu sinh sản. Ngoài ra, dự thảo cũng ban hành bản mới của Quy trình quản lý Sổ đăng ký nhà nước về các nước và cơ sở được phép nhập khẩu sản phẩm và động vật sống vào U-crai-na. Sổ đăng ký này do cơ quan thẩm quyền U-crai-na trực tiếp quản lý, cập nhật công khai trên cổng thông tin điện tử dựa trên thông tin cung cấp từ nước xuất khẩu. Các nước hoặc cơ sở được đưa vào Sổ đăng ký phải đáp ứng các điều kiện về thỏa thuận tương đương hoặc kết quả kiểm tra đạt yêu cầu, đồng thời có cam kết bảo đảm kiểm soát hiệu quả từ phía nước xuất khẩu. Quy trình mới chia danh mục các cơ sở thành 21 nhóm phân loại chi tiết (từ các loại thịt, hải sản, sữa, trứng đến vật liệu sinh sản và các nhóm động vật sống). Đồng thời, văn bản quy định cụ thể các căn cứ loại khỏi Sổ đăng ký như không duy trì điều kiện đáp ứng, vi phạm quy định pháp luật U-crai-na, rút cam kết hoặc chấm dứt hoạt động, cũng như trình tự thực hiện điều chỉnh, cập nhật thông tin đăng ký khi có sự thay đổi. Thời hạn góp ý dự thảo trước ngày 26/8/2026. Quyết định sẽ có hiệu lực kể từ ngày được công bố chính thức.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
25	G/SPS/N/BRA/2513	TTBVTV, LNK	Bra-xin	24/7/2026	Bra-xin dự thảo quy định sửa đổi 44 chuyên luận trong Danh mục chuyên luận về hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm diệt sinh vật dùng trong vệ sinh và chất bảo quản gỗ.	Bra-xin dự thảo quy định sửa đổi 44 chuyên luận trong Danh mục chuyên luận về hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm diệt sinh vật dùng trong vệ sinh và chất bảo quản gỗ. Dự thảo đề xuất điều chỉnh hoặc bổ sung mức dư lượng tối đa (MRL), thời gian cách ly, cây trồng, phương thức sử dụng, định nghĩa dư lượng và một số thông tin phục vụ đánh giá nguy cơ đối với 44 hoạt chất. Một số nội dung đáng chú ý gồm: điều chỉnh MRL của azoxystrobin đối với cà phê thành 0,08 mg/kg; bentazone đối với gạo thành 0,5 mg/kg; bifenthrin đối với đậu tương thành 0,15 mg/kg; chlormequat đối với bông thành 70 mg/kg và bổ sung MRL 6 mg/kg đối với lúa mì; glyphosate đối với lạc thành 0,05 mg/kg và chuối thành 0,03 mg/kg; bổ sung MRL của fenpropidin đối với chuối ở mức 9 mg/kg, cà phê ở mức 0,8 mg/kg và mía ở mức 0,08 mg/kg; mancozeb đối với dứa, cọ dầu và macaúba ở mức 2 mg/kg; điều chỉnh MRL của methoxyfenozide đối với cà chua thành 1,5 mg/kg; picoxystrobin đối với đu đủ thành 0,5 mg/kg; và tebuconazole đối với đu đủ thành 2 mg/kg. Dự thảo cũng bổ sung nhiều cây trồng, điều kiện và phương thức sử dụng mới đối với các hoạt chất, trong đó có acetamiprid trên sơ ri và hoa bia; flonicamid trên đậu tương; etiprole trên lạc, đậu Hà Lan, các loại đậu, đậu gà và đậu lăng; ipflufenquim trên nhiều loại quả và cây có múi; cùng các trường hợp sử dụng không dùng làm thực phẩm đối với thuốc lá, đồng cỏ, cây thầu dầu, cây dương và cây cảnh. Danh sách và nội dung sửa đổi cụ thể đối với 44 hoạt chất được nêu tại Phụ lục dự thảo kèm theo

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Tham vấn công khai số 1.413. Thời điểm thông qua và công bố chưa được xác định. Theo dự thảo, quy định sẽ có hiệu lực kể từ ngày công bố. Thời hạn góp ý trước ngày 22/9/2026.
26	G/SPS/N/AUS/639	ATTP, TTBVTV, CNTY	Ô- xtrây- li-a	24/7/2026	Ô-xtrây-li-a dự thảo sửa đổi Phụ lục 20 của Bộ luật Tiêu chuẩn thực phẩm về mức dư lượng tối đa (MRL) đối với một số hóa chất nông nghiệp và thú y trong thực phẩm.	Ô-xtrây-li-a dự thảo sửa đổi Phụ lục 20 của Bộ luật Tiêu chuẩn thực phẩm về mức dư lượng tối đa (MRL) đối với một số hóa chất nông nghiệp và thú y trong thực phẩm. Theo đó, Ô-xtrây-li-a đề xuất sửa đổi MRL của 08 hoạt chất gồm benzovindiflupyr, buprofezin, cyclobutrifluram, fluopyram, fomesafen, indaziflam, oxathiapiprolin và tebuconazole trong một số sản phẩm có nguồn gốc thực vật; đồng thời sửa đổi MRL của benzovindiflupyr trong một số sản phẩm có nguồn gốc động vật. Cụ thể, đối với benzovindiflupyr, dự thảo đề xuất tăng MRL đối với đại mạch từ 0,2 lên 0,4 mg/kg; nội tạng ăn được của động vật có vú từ 0,01* lên 0,07 mg/kg; thịt động vật có vú (MRL tính theo phần mỡ) từ 0,01* lên 0,02 mg/kg; và phân nhóm lúa mì từ 0,01 lên 0,3 mg/kg. Đối với buprofezin, dự thảo đề xuất bổ sung MRL tạm thời ở mức 1 mg/kg đối với đu đủ. Đối với cyclobutrifluram, dự thảo đề xuất bổ sung MRL tạm thời ở mức 0,1 mg/kg đối với nhóm rau họ Cải tạo bắp và tạo cụm hoa; 0,2 mg/kg đối với rau ăn lá họ Cải. Đối với fluopyram, dự thảo đề xuất bãi bỏ MRL 0,3 mg/kg đối với ớt ngọt và MRL tạm thời 1,5 mg/kg đối với phân nhóm cà chua; đồng thời bổ sung MRL 0,5 mg/kg đối với nhóm rau ăn quả không thuộc họ Bầu bí, trừ ớt khô.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Đối với fomesafen, dự thảo đề xuất bổ sung MRL tạm thời 0,01* mg/kg đối với phân nhóm đậu ăn cả quả và phân nhóm đậu Hà Lan non đã tách vỏ. Đối với indaziflam, dự thảo đề xuất bổ sung MRL 0,01* mg/kg đối với quả dạng táo và quả hạch. Đối với oxathiapiprolin, dự thảo đề xuất bãi bỏ MRL tạm thời 90 mg/kg áp dụng riêng đối với húng quế khô; đồng thời bổ sung các MRL tạm thời gồm: 2 mg/kg đối với họ, họ Trung Quốc và họ tỏi; 90 mg/kg đối với thảo mộc khô, trừ hoa bia khô, và lá cỏ roi ngựa chanh khô; 10 mg/kg đối với thảo mộc; 0,01* mg/kg đối với thân rễ riêng và củ nghệ. Đối với tebuconazole, dự thảo đề xuất bãi bỏ các MRL riêng đối với quả bơ ở mức 0,2 mg/kg; măng cầu ở mức 2 mg/kg; đu đủ ở mức 0,2 mg/kg; hồng Mỹ ở mức 2 mg/kg; và cà chua ở mức 0,5 mg/kg. Đồng thời, dự thảo bổ sung MRL 2 mg/kg đối với nhóm quả nhiệt đới và cận nhiệt đới có vỏ không ăn được, trừ chuối, chanh dây và dứa; và MRL 0,5 mg/kg đối với nhóm rau ăn quả không thuộc họ Bầu bí, trừ ớt khô và ớt ngọt. Một số mức MRL đề xuất có thể khác với tiêu chuẩn Codex do sự khác biệt về thực hành nông nghiệp tốt, thực hành thú y tốt, tình hình sinh vật gây hại, dịch bệnh và điều kiện môi trường tại Ô-xtrây-li-a. Ô-xtrây-li-a cho biết các mức đề xuất được xây dựng trên cơ sở đánh giá khoa học về phơi nhiễm qua chế độ ăn và không gây nguy hại đối với sức khỏe cộng đồng. Dự kiến quy định được thông qua, công bố và có hiệu lực trong tháng 9/2026. Thời hạn góp ý trước ngày 18/9/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
27	G/SPS/N/RUS/361	CNTY	Liên bang Nga	21/7/2026	Liên bang Nga dự thảo sửa đổi Quy định về các yêu cầu thú y (vệ sinh thú y) thống nhất đối với hàng hóa thuộc diện kiểm soát, giám sát thú y; đồng thời sửa đổi các mẫu giấy chứng nhận thú y thống nhất áp dụng đối với hàng hóa thuộc diện kiểm soát nhập khẩu từ nước thứ ba vào lãnh thổ hải quan của Liên minh Kinh tế Á - Âu.	Liên bang Nga dự thảo sửa đổi Quy định về các yêu cầu thú y (vệ sinh thú y) thống nhất đối với hàng hóa thuộc diện kiểm soát, giám sát thú y; đồng thời sửa đổi các mẫu giấy chứng nhận thú y thống nhất áp dụng đối với hàng hóa thuộc diện kiểm soát nhập khẩu từ nước thứ ba vào lãnh thổ hải quan của Liên minh Kinh tế Á - Âu. Theo đó, dự thảo cập nhật và thống nhất thuật ngữ, tên bệnh động vật và cách dẫn chiếu đến Tổ chức Thú y Thế giới (WOAH); bổ sung các khái niệm về an toàn vệ sinh thú y, tác nhân gây bệnh truyền nhiễm ở động vật, bệnh truyền nhiễm ở động vật, cách ly kiểm dịch, tiêu hủy và xử lý sản phẩm, chất thải có nguồn gốc động vật để sử dụng vào mục đích khác. Dự thảo cũng làm rõ trách nhiệm tuân thủ của cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân và các yêu cầu đối với hàng hóa nhập khẩu hoặc lưu chuyển giữa các quốc gia thành viên Liên minh Kinh tế Á - Âu. Dự thảo sửa đổi các điều kiện nhập khẩu, thời gian cách ly kiểm dịch, yêu cầu lấy mẫu và xét nghiệm tại phòng thí nghiệm được công nhận đối với động vật sống, tinh dịch, phôi, noãn, động vật thủy sinh và một số sản phẩm có nguồn gốc động vật. Trường hợp phát hiện động vật sống có kết quả xét nghiệm dương tính với bệnh động vật đặc biệt nguy hiểm hoặc bệnh thuộc diện kiểm dịch tại quốc gia tiếp nhận, động vật không được trả lại; việc giết mổ, chế biến, xử lý hoặc tiêu hủy được thực hiện theo pháp luật của quốc gia tiếp nhận. Dự thảo đồng thời cập nhật các quy định đối với thuốc thú y, phụ gia thức ăn chăn nuôi, phương tiện chẩn đoán và các chất khử trùng, diệt côn trùng, diệt ve dòi trong

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						thú y. Đối với ngựa thể thao di chuyển giữa các quốc gia thành viên để tham gia thi đấu, cơ sở nuôi giữ ngựa không bắt buộc phải có tên trong Danh mục cơ sở của Liên minh Kinh tế Á - Âu. Sau khi kết thúc sự kiện, ngựa phải được đưa ra khỏi quốc gia tổ chức mà không phải thực hiện cách ly kiểm dịch, xét nghiệm chẩn đoán hoặc xử lý miễn dịch, với điều kiện động vật không ở tại địa điểm có bệnh đặc biệt nguy hiểm hoặc bệnh thuộc diện kiểm dịch. Điều kiện này phải được bác sĩ thú y nhà nước xác nhận bằng chữ ký và con dấu trên giấy tờ thú y đi kèm; không phải cấp giấy chứng nhận thú y mới để thay thế. Các mẫu giấy chứng nhận thú y thống nhất được sửa đổi tương ứng nhằm cập nhật thuật ngữ, tên bệnh, yêu cầu xét nghiệm và phương pháp chẩn đoán theo khuyến nghị của WOAH. Các phôi giấy chứng nhận thú y được sản xuất theo quy định hiện hành trước ngày quyết định mới có hiệu lực được tiếp tục sử dụng đến ngày 01/7/2027. Thời điểm thông qua và công bố các dự thảo chưa được xác định. Theo nội dung hai dự thảo quyết định, mỗi quyết định có hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày công bố chính thức. Thời hạn góp ý trước ngày 18/9/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
28	G/SPS/N/UGA/493	BCT	Cộng hòa U-gan-đa	21/7/2026	Cộng hòa U-gan-đa dự thảo Tiêu chuẩn DUS 2590:2026 đối với dầu quả bơ ăn được.	Cộng hòa U-gan-đa dự thảo Tiêu chuẩn DUS 2590:2026 đối với dầu quả bơ ăn được. Dự thảo quy định các yêu cầu kỹ thuật, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với dầu được sản xuất từ phần thịt quả hoặc toàn bộ quả bơ (<i>Persea americana</i>), dùng làm thực phẩm cho người. Dự thảo quy định các loại dầu quả bơ gồm dầu thô, dầu tinh luyện, dầu ép lạnh, dầu nguyên chất (<i>virgin</i>) và dầu nguyên chất đặc biệt (<i>extra virgin</i>). Sản phẩm phải có màu sắc đặc trưng, không chứa chất pha trộn, cặn, tạp chất lơ lửng hoặc tạp chất lạ, nước tách lớp; không có mùi, vị ôi khét hoặc mùi lạ. Dầu quả bơ phải đáp ứng các chỉ tiêu kỹ thuật về khối lượng riêng tương đối, chỉ số khúc xạ, chỉ số xà phòng hóa, chỉ số iốt, hàm lượng chất không xà phòng hóa, độ ẩm và chất bay hơi, tạp chất không tan, chỉ số axit, hàm lượng xà phòng, chỉ số peroxit, hàm lượng sắt và đồng. Thành phần axit béo phải phù hợp với giới hạn quy định tại Phụ lục A; mức desmethylsterol tham khảo được quy định tại Phụ lục B và áp dụng khi cần thiết. Không được sử dụng phụ gia thực phẩm trong dầu quả bơ nguyên chất đặc biệt, dầu nguyên chất và dầu ép lạnh. Dầu quả bơ tinh luyện được phép sử dụng phụ gia thực phẩm theo Tiêu chuẩn Codex CXS 192 và chất tạo hương phù hợp với Hướng dẫn Codex CXG 66. Dầu quả bơ có thể được bổ sung vi chất dinh dưỡng theo Tiêu chuẩn US EAS 769. Sản phẩm phải đáp ứng giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật do Ủy ban Codex Alimentarius quy định. Hàm lượng chì không được vượt quá 0,08 mg/kg và hàm lượng arsen không được vượt quá 0,1 mg/kg.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Dự thảo cũng quy định yêu cầu về vệ sinh trong quá trình sản xuất, chế biến, xử lý và bảo quản; bao gói bằng vật liệu an toàn dùng cho thực phẩm; bảo quản và vận chuyển dầu dạng rời. Nhân sản phẩm phải tuân thủ Tiêu chuẩn US EAS 38, được ghi rõ ràng, bền và không thể tẩy xóa; trong đó phải ghi tên sản phẩm là “Dầu quả bơ ăn được” và loại dầu tương ứng, gồm dầu thô, dầu tinh luyện, dầu ép lạnh, dầu nguyên chất hoặc dầu nguyên chất đặc biệt. Thời hạn góp ý trước ngày 19/9/2026.
29	G/SPS/N/KEN/380	ATTP, TTBVT	Cộng hòa Kê-ni- a	21/7/2026	Cộng hòa Kê-ni-a dự thảo sửa đổi Tiêu chuẩn KS 2263:2016 đối với lá nguyệt quế theo Bản sửa đổi số 1 năm 2026.	Cộng hòa Kê-ni-a dự thảo sửa đổi Tiêu chuẩn KS 2263:2016 đối với lá nguyệt quế theo Bản sửa đổi số 1 năm 2026. Nội dung sửa đổi bổ sung giới hạn tối đa đối với kim loại nặng tại Bảng 3 của Tiêu chuẩn. Theo đó, hàm lượng chì trong lá nguyệt quế không được vượt quá 2,5 mg/kg và hàm lượng asen không được vượt quá 1,0 mg/kg. Hàm lượng chì được xác định theo phương pháp KS ISO 6633; hàm lượng asen được xác định theo phương pháp KS ISO 6634. Dự kiến bản sửa đổi được thông qua và công bố ngày 30/9/2026; thời điểm có hiệu lực chưa được xác định. Thời hạn góp ý là trước ngày 19/9/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
30	G/SPS/N/JOR/47	CNTY	Gioóc-đa-ni	21/7/2026	Gioóc-đa-ni dự thảo ban hành Tiêu chuẩn đối với thức ăn cho chó và mèo.	Gioóc-đa-ni dự thảo ban hành Tiêu chuẩn đối với thức ăn cho chó và mèo. Tiêu chuẩn áp dụng đối với các công thức và hỗn hợp thức ăn chế biến dạng khô, ẩm và bán ẩm, cùng các hỗn hợp vitamin và khoáng vi lượng sử dụng trong thức ăn cho chó, mèo. Theo đó, độ ẩm của thức ăn khô không được vượt quá 12%; thức ăn bán ẩm có độ ẩm từ 12% đến 60%; thức ăn ẩm có độ ẩm từ 60% trở lên. Dự thảo quy định mức tối thiểu đối với năng lượng, protein, chất béo, axit amin, vitamin và khoáng chất trong thức ăn cho chó và mèo tùy theo từng giai đoạn, gồm sinh trưởng, mang thai hoặc cho con bú và duy trì đối với vật nuôi trưởng thành. Hàm lượng carbohydrate trong thức ăn khô cho chó phải chiếm từ 40% đến 55% năng lượng trao đổi; đối với thức ăn khô cho mèo không được vượt quá 30%. Các phụ gia thức ăn chăn nuôi phải có nguồn gốc được phép sử dụng, đồng thời phải xác định rõ nồng độ, thành phần và nguồn gốc. Sản phẩm phải ghi rõ nhóm tuổi của vật nuôi hoặc sử dụng ký hiệu tương ứng. Trường hợp sản xuất thức ăn dành riêng cho một giống chó hoặc mèo cụ thể, nhu cầu về dinh dưỡng, vitamin và khoáng chất được xác định trên cơ sở tài liệu hướng dẫn về giống đó. Thức ăn phải không có nấm mốc có thể quan sát bằng mắt thường; không có côn trùng ở mọi giai đoạn phát triển, động vật gặm nhấm và các bộ phận của chúng; đồng thời không có mùi lạ như mùi lên men hoặc ôi khét. Tổng hàm lượng aflatoxin B1, B2, G1 và G2 không được vượt quá 20 µg/kg, trong đó aflatoxin B1 không được vượt quá 10 µg/kg. Sản phẩm cũng phải đáp ứng các giới hạn vi sinh đối với vi khuẩn thuộc họ

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<i>Enterobacteriaceae, Salmonella, Escherichia coli, Clostridium perfringens</i> và nấm mốc. Trường hợp thức ăn cho chó, mèo hoặc hỗn hợp vitamin có chứa chất tạo màu, chất mang hoặc chất chống nấm mốc, các chất này phải thuộc loại được quốc tế cho phép sử dụng, có nguồn gốc tự nhiên và phải ghi rõ nồng độ, thành phần, tên khoa học, tên thương mại và nguồn gốc. Giới hạn đối với độc tố nấm mốc, chất ô nhiễm phóng xạ và kim loại được áp dụng theo Tiêu chuẩn chung Codex về chất ô nhiễm và độc tố trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi. Giới hạn đối với chất ô nhiễm kim loại và aflatoxin đồng thời phải đáp ứng Chỉ thị 2002/32/EC của Liên minh châu Âu và các sửa đổi. Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật phải tuân thủ giới hạn quy định tại Tiêu chuẩn Jordan JS 1925. Sản phẩm phải được đóng trong bao bì mới, sạch, bảo đảm vệ sinh và phù hợp, không làm thay đổi đặc tính của sản phẩm, được đóng kín, không thấm nước, chịu được quá trình vận chuyển và bảo quản, đồng thời không để trẻ em có thể dễ dàng mở bao bì. Sản phẩm phải được bảo quản tại nơi khô ráo, thông thoáng, tránh ánh nắng trực tiếp và các nguồn ô nhiễm như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Nhãn sản phẩm phải được thể hiện bằng tiếng Ả Rập hoặc tiếng Anh và có thể bổ sung ngôn ngữ khác; trong đó phải ghi tên và địa chỉ của nhà sản xuất, ngày sản xuất, hạn sử dụng và cảnh báo “Bảo quản xa tầm tay trẻ em”.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Dự kiến tiêu chuẩn được thông qua ngày 15/10/2026, công bố ngày 15/12/2026 và có hiệu lực từ ngày 15/01/2027. Thời hạn góp ý trước ngày 19/9/2026.
31	G/SPS/N/JOR/46	TTBVT	Gioóc-đa-ni	21/7/2026	Gioóc-đa-ni dự thảo sửa đổi Tiêu chuẩn đối với gạo dùng làm thực phẩm, thay thế tiêu chuẩn đã ban hành năm 2015	Gioóc-đa-ni dự thảo sửa đổi Tiêu chuẩn đối với gạo dùng làm thực phẩm, thay thế tiêu chuẩn áp dụng đối với gạo lứt đồ hoặc không đồ, gạo xay xát có hoặc không có mùi thơm và gạo xay xát đồ thuộc loài <i>Oryza sativa</i>; không áp dụng đối với các sản phẩm gạo khác như gạo sếp/gạo nếp (<i>waxy rice</i>). Theo đó, hạt gạo phải bảo đảm lành, sạch, không có mùi lạ hoặc mùi cho thấy sản phẩm bị hư hỏng, không chứa chất độc hại hoặc các chất có hại khác và không có côn trùng sống có thể quan sát bằng mắt thường. Độ ẩm không được vượt quá 15%; tỷ lệ hạt gãy, được xác định trên cơ sở hạt gãy cỡ trung bình trở xuống, không được vượt quá 6%. Sản phẩm không được có thành phần trái với luật Hồi giáo và phải đáp ứng Tiêu chuẩn Jordan JS 2060 về thực phẩm Halal. Dự thảo quy định giới hạn đối với tạp chất và các dạng khuyết tật của từng loại gạo, gồm tạp chất hữu cơ và vô cơ, hạt hư hỏng do nhiệt, hạt hư hỏng, hạt chưa chín hoặc biến dạng, hạt bạc phần, hạt đỏ, hạt sọc đỏ, hạt hồ hóa một phần, hạt có đốm và các loại gạo khác lẫn trong sản phẩm. Sản phẩm phải đáp ứng các giới hạn vi sinh đối với nấm mốc và <i>Salmonella</i>. Giới hạn tối đa đối với độc tố nấm mốc, chất ô nhiễm phóng xạ và kim loại được áp dụng theo Tiêu chuẩn chung Codex về chất ô nhiễm và độc tố trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi; trường

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						hợp không có dữ liệu về chất ô nhiễm đối với sản phẩm thì tham chiếu Quy định (EU) 2023/915 và các sửa đổi. Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật phải tuân thủ giới hạn quy định tại Tiêu chuẩn Jordan JS 1925. Dự thảo cũng quy định phương pháp lấy mẫu, kiểm nghiệm độ ẩm và các đặc tính của hạt gạo; điều kiện đóng gói, vận chuyển, bảo quản và lưu thông sản phẩm. Nhãn phải được thể hiện bằng tiếng Ả Rập và có thể bổ sung ngôn ngữ khác bên cạnh tiếng Ả Rập, trong đó phải ghi tên sản phẩm, nước xuất xứ, loại gạo, năm thu hoạch và thời hạn sử dụng; trường hợp sản phẩm là gạo tẩm, trên nhãn phải ghi rõ “gạo tẩm”. Dự kiến tiêu chuẩn được thông qua ngày 31/7/2026, công bố ngày 01/9/2026 và có hiệu lực từ ngày 01/02/2027. Thời hạn góp ý trước ngày 19/9/2026.
32	G/SPS/N/JPN/1419	TTBVT, CNTY, BCT	Nhật Bản	20/7/2026	Nhật Bản dự thảo sửa đổi mức dư lượng tối đa (MRL) đối với hoạt chất tetraniliprole trong một số loại thực phẩm.	Nhật Bản dự thảo sửa đổi mức dư lượng tối đa (MRL) đối với hoạt chất tetraniliprole trong một số loại thực phẩm. Theo đó, Nhật Bản đề xuất giảm MRL đối với cải xoăn và các loại rau họ Cải khác từ 20 xuống 15 mg/kg; cà chua từ 2 xuống 1 mg/kg; quả mơ và mơ ume từ 2 xuống 1 mg/kg. Đồng thời, Nhật Bản đề xuất tăng MRL đối với cải kyona từ 10 lên 15 mg/kg; cải thìa từ 7 lên 15 mg/kg; quýt Unshu nguyên quả từ 1 lên 2 mg/kg; natsudaidai nguyên quả và bưởi chùm từ 0,9 lên 1 mg/kg; mận Nhật Bản, bao gồm mận prune, từ 0,1 lên 0,3 mg/kg; anh đào từ 1 lên 2 mg/kg; và các loại rau thơm khác từ 20 lên 60 mg/kg.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Dự thảo cũng quy định mới hoặc nâng MRL đối với một số loại củ, rau, quả và gia vị, gồm khoai tây, khoai môn, khoai lang, khoai mỡ Nhật Bản, konjac và các loại khoai khác ở mức 0,02 mg/kg; củ cải đường 0,04 mg/kg; lá củ cải tròn và củ xoong 15 mg/kg; súp lơ trắng 9 mg/kg; các loại rau họ Cà khác 0,9 mg/kg; các loại rau họ Bầu bí khác 0,02 mg/kg; đậu bắp 0,4 mg/kg; các loại rau khác 0,02 mg/kg; mộc qua và tỳ bà Nhật Bản 0,4 mg/kg; kiwi nguyên quả và các loại quả khác 2 mg/kg; các loại gia vị khác 7 mg/kg; và mận khô 2 mg/kg. Đối với sản phẩm động vật, Nhật Bản đề xuất quy định mới hoặc tăng MRL đối với cơ của bò, lợn và các động vật có vú trên cạn khác lên 0,1 mg/kg; mỡ lên 0,2 mg/kg; gan, thận và các phụ phẩm ăn được khác lên 1 mg/kg; và sữa từ 0,05 lên 0,2 mg/kg. MRL đối với nhiều sản phẩm khác như gạo, ngô, đậu tương, cải thảo, bắp cải, xà lách, dưa chuột, dưa hấu, các loại dưa, rau bina, nho, trà, động vật thủy sản và mật ong không thay đổi. Định nghĩa dư lượng tiếp tục là tetraniliprole. Mức giới hạn chung 0,01 mg/kg được áp dụng đối với các sản phẩm không được quy định MRL riêng trong danh mục. Các MRL mới dự kiến được thông qua và công bố sớm nhất có thể sau khi kết thúc thời hạn góp ý, đồng thời có hiệu lực sau một khoảng thời gian chuyển tiếp. Thời hạn góp ý trước ngày 18/9/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
33	G/SPS/N/JPN/1418	TTBVTV, CNTY	Nhật Bản	20/7/2026	Nhật Bản dự thảo sửa đổi mức dư lượng tối đa (MRL) đối với hoạt chất prosulfocarb trong một số loại thực phẩm.	Nhật Bản dự thảo sửa đổi mức dư lượng tối đa (MRL) đối với hoạt chất prosulfocarb trong một số loại thực phẩm. Theo đó, Nhật Bản đề xuất giảm MRL đối với đậu Hà Lan và đậu tằm từ 0,05 xuống 0,01 mg/kg; hành tây từ 0,1 xuống 0,05 mg/kg; hành hoa/hành ta, bao gồm tỏi tây, từ 0,05 xuống 0,01 mg/kg; các loại rau thuộc họ Hành khác từ 0,05 xuống 0,02 mg/kg; các loại rau thuộc họ Hoa tán khác từ 0,1 xuống 0,08 mg/kg; đậu Hà Lan non nguyên vỏ từ 0,05 xuống 0,01 mg/kg; hạt hướng dương từ 0,05 xuống 0,02 mg/kg; và các loại gia vị khác từ 0,5 xuống 0,3 mg/kg. Đồng thời, Nhật Bản đề xuất quy định MRL riêng ở mức 0,05 mg/kg đối với mật ong, bao gồm sữa ong chúa; hiện nhóm sản phẩm này chưa có MRL riêng và đang áp dụng mức giới hạn chung 0,01 mg/kg. MRL đối với các sản phẩm còn lại trong danh mục, gồm lúa mì, lúa mạch, lúa mạch đen, ngô, các loại ngũ cốc khác, khoai tây, cà rốt, cần tây và động vật thủy sản, không thay đổi. Định nghĩa dư lượng tiếp tục là prosulfocarb. Mức giới hạn chung 0,01 mg/kg được áp dụng đối với các sản phẩm không được quy định MRL riêng trong danh mục. Các MRL mới dự kiến được thông qua và công bố sớm nhất có thể sau khi kết thúc thời hạn góp ý, đồng thời có hiệu lực sau một khoảng thời gian chuyển tiếp. Thời hạn góp ý trước ngày 18/9/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
34	G/SPS/N/JPN/1417	TTBVT, CNTY, BCT	Nhật Bản	20/7/2026	Nhật Bản dự thảo sửa đổi mức dư lượng tối đa (MRL) đối với hoạt chất mepronil trong một số loại thực phẩm.	Nhật Bản dự thảo sửa đổi mức dư lượng tối đa (MRL) đối với hoạt chất mepronil trong một số loại thực phẩm. Theo đó, Nhật Bản đề xuất giảm MRL đối với các loại rau họ cúc khác từ 0,2 xuống 0,1 mg/kg; lê Nhật Bản và lê từ 1 xuống 0,7 mg/kg. Đồng thời, Nhật Bản đề xuất quy định MRL riêng ở mức 0,05 mg/kg đối với mật ong, bao gồm sữa ong chúa; hiện nhóm sản phẩm này chưa có MRL riêng. Các MRL khác trong danh mục không thay đổi. Định nghĩa dư lượng tiếp tục là mepronil. Mức giới hạn chung 0,01 mg/kg được áp dụng đối với các sản phẩm không có MRL trong danh mục. Các MRL mới dự kiến được thông qua và công bố sớm nhất có thể sau khi kết thúc thời hạn góp ý, đồng thời có hiệu lực sau một khoảng thời gian chuyển tiếp. Thời hạn góp ý trước ngày 18/9/2026.
35	G/SPS/N/JPN/1421	TTBVT, CNTY, BCT	Nhật Bản	20/7/2026	Nhật Bản dự thảo sửa đổi mức dư lượng tối đa (MRL) đối với hoạt chất carbaryl, được sử dụng làm thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y, trong một số loại thực phẩm.	Nhật Bản dự thảo sửa đổi mức dư lượng tối đa (MRL) đối với hoạt chất carbaryl, được sử dụng làm thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y, trong một số loại thực phẩm. Theo đó, Nhật Bản đề xuất giảm MRL đối với lá củ cải Nhật Bản từ 0,8 xuống 0,6 mg/kg; cải thảo từ 0,05 xuống 0,03 mg/kg; và cám gạo từ 50 xuống 35 mg/kg. Đối với natsudaikai nguyên quả, Nhật Bản đề xuất bãi bỏ MRL hiện hành 5 mg/kg. Đồng thời, Nhật Bản đề xuất quy định MRL 3 mg/kg đối với hạt vừng và 0,05 mg/kg đối với mật ong, bao gồm sữa ong chúa. MRL đối với cơ gà được đề xuất tăng từ 0,2 lên 0,3 mg/kg. Dự thảo cũng thay nhóm “dầu hướng

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						dương, trừ dầu hướng dương tinh luyện đáp ứng Tiêu chuẩn nông nghiệp Nhật Bản (JAS) và các loại dầu ăn đáp ứng tiêu chuẩn tương đương hoặc nghiêm ngặt hơn JAS” bằng nhóm “dầu hướng dương”, đồng thời tiếp tục áp dụng MRL 0,05 mg/kg. Nhật Bản không đề xuất quy định MRL riêng đối với măng tây, cà chua, ớt chuông, natsudaikai nguyên quả, nước ép cà chua và bột cà chua, mặc dù Codex đã quy định MRL đối với các sản phẩm này. Theo đánh giá của Nhật Bản, việc áp dụng các mức của Codex có thể làm mức phơi nhiễm ngắn hạn vượt liều tham chiếu cấp tính (ARfD). Đối với cam, bao gồm cam Navel, và bưởi chùm, Nhật Bản duy trì MRL 5 mg/kg, thấp hơn mức 15 mg/kg của Codex, nhằm bảo đảm an toàn cho người tiêu dùng. Định nghĩa dư lượng tiếp tục là carbaryl. Mức giới hạn chung 0,01 mg/kg được áp dụng đối với các sản phẩm không có MRL riêng trong danh mục. Các MRL mới dự kiến được thông qua và công bố sớm nhất có thể sau khi kết thúc thời hạn góp ý, đồng thời có hiệu lực sau một khoảng thời gian chuyển tiếp. Thời hạn góp ý trước ngày 18/9/2026.
36	G/SPS/N/JPN/1420	TTBVT, CNTY, BCT	Nhật Bản	20/7/2026	Nhật Bản dự thảo sửa đổi mức dư lượng tối đa (MRL) đối với hoạt chất triforine trong một số loại thực phẩm.	Nhật Bản dự thảo sửa đổi mức dư lượng tối đa (MRL) đối với hoạt chất triforine trong một số loại thực phẩm. Theo đó, Nhật Bản đề xuất giảm MRL đối với cà chua từ 2 xuống 0,9 mg/kg và dưa chuột, bao gồm dưa chuột ri, từ 1 xuống 0,7 mg/kg. Đồng thời, Nhật Bản đề xuất tăng MRL đối với dâu tây từ 2 lên 3 mg/kg và quy định MRL 0,05 mg/kg đối với mật ong, bao gồm sữa ong chúa. Dự thảo cũng bãi bỏ MRL 0,02 mg/kg đối với nhóm “các loại dưa” và quy định mức 0,7 mg/kg đối với

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						nhóm mới là các loại dưa nguyên quả sau khi loại bỏ cuống. Tương tự, MRL 1 mg/kg đối với nhóm “đào” được bãi bỏ và thay bằng mức 5 mg/kg đối với đào sau khi loại bỏ cuống và hạt, nhưng kết quả dư lượng được tính và biểu thị trên toàn bộ quả không có cuống. Việc điều chỉnh này đồng thời thay đổi cách xác định phạm vi sản phẩm áp dụng MRL. Các MRL còn lại trong danh mục không thay đổi. Dự thảo đồng thời ghi chú định nghĩa dư lượng đối với nông sản và mật ong tiếp tục là triforine. Đối với sản phẩm động vật, dư lượng được xác định bằng tổng triforine và các chất chuyển hóa có thể chuyển thành chloral hydrate trong điều kiện axit, quy đổi theo triforine. Mức giới hạn chung 0,01 mg/kg tiếp tục áp dụng đối với các sản phẩm không được quy định trong danh mục. Các MRL mới dự kiến được thông qua và công bố sớm nhất có thể sau khi kết thúc thời hạn góp ý, đồng thời có hiệu lực sau một khoảng thời gian chuyển tiếp. Thời hạn góp ý trước ngày 18/9/2026.
37	G/SPS/N/JPN/1422	TTBVT	Nhật Bản	20/7/2026	Nhật Bản dự thảo sửa đổi mức dư lượng tối đa đối với hoạt chất kasugamycin trong một số loại thực phẩm.	Nhật Bản dự thảo sửa đổi mức dư lượng tối đa đối với hoạt chất kasugamycin trong một số loại thực phẩm. Theo đó, Nhật Bản đề xuất giảm MRL đối với hành tây từ 0,2 xuống 0,01 mg/kg; hành hoa/hành ta từ 0,2 xuống 0,04 mg/kg; cà rốt từ 0,2 xuống 0,08 mg/kg; dưa chuột, bao gồm dưa chuột ri, từ 0,2 xuống 0,05 mg/kg; chanh vàng và chanh xanh từ 0,2 xuống 0,09 mg/kg. Đồng thời, Nhật Bản đề xuất tăng MRL đối với các loại rau họ cải khác từ 0,2 lên 3 mg/kg; quýt Unshu nguyên quả và cam, bao gồm cam Navel, từ 0,2 lên 0,5 mg/kg;

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						quả natsudaidai nguyên quả và bưởi chùm từ 0,2 lên 0,4 mg/kg; các loại quả có múi khác từ 0,2 lên 0,5 mg/kg; và các loại gia vị khác từ 0,2 lên 3 mg/kg. Các MRL còn lại trong danh mục được giữ nguyên. Định nghĩa dư lượng tiếp tục là kasugamycin. Đối với các sản phẩm không được quy định MRL trong danh mục, không áp dụng mức giới hạn chung 0,01 mg/kg; thay vào đó, do kasugamycin được coi là chất kháng sinh hoặc chất kháng khuẩn tổng hợp hóa học, thực phẩm không được chứa hoạt chất này. Các mức MRL mới dự kiến được thông qua và công bố sớm nhất có thể sau khi kết thúc thời hạn góp ý, đồng thời có hiệu lực sau một khoảng thời gian chuyển tiếp. Thời hạn góp ý trước ngày 18/9/2026.
38	G/SPS/N/EU/961	CNTY	Liên minh châu Âu	03/7/2026	Liên minh châu Âu dự thảo Quy định về việc cấp phép sử dụng tinh dầu lá nguyệt quế từ <i>Laurus nobilis</i> L. làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho một số loài động vật nhất định.	Liên minh châu Âu dự thảo Quy định về việc cấp phép sử dụng tinh dầu lá nguyệt quế từ <i>Laurus nobilis</i> L. làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho một số loài động vật nhất định. Theo dự thảo, tinh dầu lá nguyệt quế từ <i>Laurus nobilis</i> L. được cấp phép sử dụng làm phụ gia thức ăn chăn nuôi, thuộc nhóm “phụ gia cảm quan”, chức năng “hợp chất tạo hương”, theo Quy định (EC) số 1831/2003 về phụ gia sử dụng trong dinh dưỡng động vật. Phụ gia này trước đây đã được cấp phép không thời hạn theo Chỉ thị 70/524/EEC đối với tất cả các loài động vật và được đưa vào Sổ đăng ký phụ gia thức ăn chăn nuôi của EU như một sản phẩm hiện có. Việc cấp phép dựa trên kết luận đánh giá khoa học của Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu (EFSA). Theo đó, trong các điều kiện sử dụng được đề xuất, tinh dầu lá nguyệt quế từ <i>Laurus</i>

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<i>nobilis</i> L. không gây quan ngại an toàn đối với động vật sống gần ngày, tức động vật nuôi để vỗ béo, và rất ít khả năng gây tác động bất lợi đối với chó, mèo. Việc sử dụng phụ gia này ở mức sử dụng đề xuất cao nhất trong thức ăn cũng được đánh giá là không gây quan ngại đối với người tiêu dùng và không có nguy cơ đối với môi trường. Tuy nhiên, đối với động vật sống dài ngày và động vật sinh sản, bao gồm động vật nuôi để đẻ, nhân giống hoặc sinh sản, việc sử dụng phụ gia ở mức đề xuất 10 mg/kg thức ăn hoàn chỉnh được đánh giá là có quan ngại. Bên nộp hồ sơ sau đó đã rút đề nghị cấp phép đối với tất cả các loài động vật, trừ gà tây vỗ béo, gà vỗ béo và gia cầm nhỏ vỗ béo, lợn vỗ béo, lợn vỗ béo thuộc nhóm Suidae nhỏ, bò vỗ béo, động vật nhai lại khác vỗ béo, lạc đà vỗ béo, thỏ vỗ béo, cá hồi và cá vây nhỏ trừ cá bố mẹ sinh sản, chó và mèo. Trên cơ sở đó, EU dự kiến cấp phép sử dụng phụ gia này đối với các loài/nhóm động vật nêu trên, đồng thời rút phụ gia khỏi thị trường đối với các loài/nhóm động vật không thuộc phạm vi được cấp phép theo Quy định này. Phụ gia không được phép sử dụng trong nước uống do Quy định (EC) số 1831/2003 không cho phép cấp phép “hợp chất tạo hương” để sử dụng trong nước uống. Dự thảo cũng lưu ý methyleugenol, estragole và elemicin, là các chất thuộc nhóm p-allylalkoxybenzenes trong tinh dầu lá nguyệt quế từ <i>Laurus nobilis</i> L, do đó EU dự kiến quy định hàm lượng tối đa của phụ gia này trong thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh. Việc sử dụng đồng thời tinh dầu lá nguyệt quế

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						với các phụ gia thức ăn chăn nuôi khác được phép với điều kiện tổng hàm lượng các chất thuộc nhóm p-allylalkoxybenzenes, gồm methyleugenol, estragole, elemicin, safrole, myristicin, dillapiole và apiole, trong nguyên liệu thức ăn và thức ăn hỗn hợp thấp hơn mức phát sinh từ việc sử dụng phụ gia được cấp phép ở hàm lượng tối đa hoặc hàm lượng tối đa khuyến nghị tương ứng với từng loài/nhóm động vật. Đối với an toàn người sử dụng, EFSA kết luận tinh dầu lá nguyệt quế từ <i>Laurus nobilis</i> L. cần được coi là chất gây kích ứng da, mắt, đường hô hấp và là chất gây mẫn cảm da. Do có hàm lượng methyleugenol cao từ mức $\geq 1\%$, phụ gia này được phân loại là bị nghi ngờ có khả năng gây khiếm khuyết di truyền và ung thư, do đó cần được xử lý phù hợp. Dự thảo yêu cầu áp dụng các biện pháp bảo vệ phù hợp nhằm ngăn ngừa tác động bất lợi đối với sức khỏe của người sử dụng phụ gia. Ngoài ra, dự thảo quy định các biện pháp chuyển tiếp để các bên liên quan có thời gian đáp ứng yêu cầu mới về cấp phép và rút sản phẩm khỏi thị trường. Đối với các loài/nhóm động vật được cấp phép, phụ gia và hỗn hợp trộn sẵn chứa phụ gia này nếu được sản xuất và ghi nhãn trước thời điểm 6 tháng kể từ ngày Quy định có hiệu lực theo quy định cũ thì được tiếp tục đưa ra thị trường và sử dụng đến khi hết hàng tồn kho; thức ăn hỗn hợp và nguyên liệu thức ăn chứa phụ gia này nếu được sản xuất và ghi nhãn trước thời điểm 12 tháng kể từ ngày Quy định có hiệu lực theo quy định cũ thì được tiếp tục đưa ra thị trường và sử dụng đến khi hết hàng

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						tồn kho. Đối với các loài/nhóm động vật không thuộc phạm vi được cấp phép, lượng hàng tồn kho của phụ gia, hỗn hợp trộn sẵn, thức ăn hỗn hợp và nguyên liệu thức ăn được tiếp tục lưu hành và sử dụng tương ứng trong thời hạn 12 tháng, 15 tháng và 24 tháng kể từ ngày Quy định có hiệu lực. Dự thảo dự kiến được thông qua và công bố trong tháng 9/2026. Quy định có hiệu lực vào ngày thứ 20 kể từ ngày công bố trên Công báo Liên minh châu Âu. Thời hạn cuối góp ý trước ngày 01/9/2026.
39	G/SPS/N/CHL/892	TTBVT	Chi-lê	20/7/2026	Chi-lê dự thảo quy định yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu phần hoa của một số loài thực vật để sử dụng làm vật liệu nhân giống; đồng thời bãi bỏ Nghị quyết số 4.912 năm 2004 và sửa đổi Nghị quyết số 5.561 năm 2012.	Chi-lê dự thảo quy định yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu phần hoa của một số loài thực vật để sử dụng làm vật liệu nhân giống; đồng thời bãi bỏ Nghị quyết số 4.912 năm 2004 và sửa đổi Nghị quyết số 5.561 năm 2012. Theo đó, phần hoa của các loài thuộc phạm vi điều chỉnh, nhập khẩu từ bất kỳ nước xuất xứ nào, phải kèm theo bản gốc Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật chính thức do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất xứ cấp. Tùy từng loài, giấy chứng nhận phải có tuyên bố bổ sung xác nhận cây mẹ đã được kiểm tra và xét nghiệm vào thời điểm thích hợp, không nhiễm dịch hại được quy định; hoặc xác nhận lô hàng đã được phân tích tại phòng thử nghiệm chính thức và không nhiễm dịch hại. Chi-lê cũng chấp nhận tuyên bố bổ sung thay thế xác nhận lô hàng phần hoa của loài liên quan có nguồn gốc từ quốc gia không có dịch hại được quy định. Một số loài không phải có tuyên bố bổ sung, gồm

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						<i>Aquilegia</i> spp., <i>Corylus avellana</i>, <i>Eucalyptus</i> spp., <i>Eustoma grandiflorum</i>, <i>Helleborus</i> spp., <i>Juglans</i> spp. trừ <i>J. regia</i>, <i>Lilium</i> spp., <i>Lycopodium</i> spp., <i>Nicotiana tabacum</i>, <i>Pinus</i> spp., <i>Prunus</i> spp. trừ <i>P. avium</i>, <i>P. cerasus</i> và <i>P. serotina</i>, <i>Vaccinium</i> spp. và <i>Viola</i> spp. Đối với các loài thuộc diện phải có tuyên bố bổ sung, yêu cầu cụ thể gồm: phần hoa kiwi (<i>Actinidia</i> spp.) không nhiễm <i>Pseudomonas syringae</i> pv. <i>actinidiae</i>, ngoại trừ biovar 3; phần hoa ớt (<i>Capsicum annuum</i>) không nhiễm Potato spindle tuber viroid và Tomato black ring virus; phần hoa mộc qua (<i>Cydonia oblonga</i>), tỳ bà Nhật Bản (<i>Eriobotrya japonica</i>), táo (<i>Malus</i> spp.) và lê (<i>Pyrus</i> spp.) không nhiễm <i>Erwinia amylovora</i>. Phần hoa dâu tây (<i>Fragaria</i> spp.) phải không nhiễm Raspberry ringspot virus và Tomato black ring virus; phần hoa mâm xôi (<i>Rubus</i> spp.) phải không nhiễm Raspberry ringspot virus và <i>Erwinia amylovora</i>. Phần hoa óc chó Ba Tư (<i>Juglans regia</i>) phải không nhiễm Cherry leaf roll virus; phần hoa anh đào ngọt (<i>Prunus avium</i>) phải không nhiễm Cherry leaf roll virus và Tomato bushy stunt virus; phần hoa <i>Prunus cerasus</i> và <i>Prunus serotina</i> phải không nhiễm Cherry leaf roll virus. Phần hoa bơ (<i>Persea americana</i>) phải không nhiễm Avocado sunblotch viroid; phần hoa cà chua (<i>Solanum lycopersicum</i>) phải không nhiễm Potato spindle tuber viroid, Tomato black ring virus và Tomato chlorotic dwarf viroid; phần hoa nho (<i>Vitis</i> spp.) phải không nhiễm Raspberry ringspot virus. Lô hàng phải không lẫn đất, hoa hoặc tàn dư thực vật khác. Bao bì phải mới, sử dụng lần đầu, kín, bền, có thể

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						niêm phong và ghi ít nhất các thông tin về loài, nước xuất xứ và tên nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp. Vật liệu dùng để đệm hoặc duy trì nhiệt độ, độ ẩm của lô hàng không được chứa vật liệu thực vật có khả năng mang dịch hại. Việc nhập khẩu và thực hiện các thủ tục liên quan chỉ được tiến hành tại Văn phòng Ngoại thương của Cơ quan Nông nghiệp và Chăn nuôi Chi-lê (SAG) tại Sân bay quốc tế Arturo Merino Benítez, thành phố Santiago. Tất cả các lô hàng phải được SAG kiểm tra tại cửa khẩu để xác minh việc đáp ứng các tuyên bố bổ sung và yêu cầu kiểm dịch thực vật. Lô hàng phấn hoa của các loài có liên quan đến dịch hại kiểm dịch được quy định trong dự thảo sẽ bị lấy mẫu, phân tích tại phòng thử nghiệm của SAG và tạm giữ tại địa điểm đến cho đến khi có kết quả. Trường hợp phát hiện dịch hại kiểm dịch đã được liệt kê hoặc dịch hại chưa được liệt kê nhưng được xác định là dịch hại kiểm dịch trên cơ sở phân tích nguy cơ dịch hại, SAG sẽ xem xét áp dụng biện pháp kiểm dịch thực vật phù hợp với nguy cơ được xác định. Dự thảo đề xuất bãi bỏ Nghị quyết số 4.912 năm 2004 và sửa đổi Nghị quyết số 5.561 năm 2012 bằng việc thay thế bảng tại Điều 1. Theo đó, quả nang chưa trưởng thành (quả non) của cây hoa loa kèn (<i>Lilium</i> spp.) có xuất xứ từ các nước thành viên Liên minh châu Âu không phải có tuyên bố bổ sung. Phấn hoa khoai tây (<i>Solanum tuberosum</i>) có xuất xứ từ Pe-ru phải có tuyên bố xác nhận vật liệu có nguồn gốc từ cây mẹ đã được kiểm tra, xét nghiệm bằng phương pháp chẩn đoán phù hợp vào thời điểm thích hợp và không nhiễm Potato spindle tuber

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						viroid. Dự thảo dự kiến được thông qua sau khoảng 80 ngày kể từ ngày thông báo WTO được lưu hành và có hiệu lực sau 60 ngày dương lịch kể từ ngày được công bố trên Công báo Chi-lê. Thời hạn góp ý trước ngày 18/9/2026.
40	G/SPS/N/THA/813	TTBVTV	Thái Lan	20/7/2026	Thái Lan dự thảo sửa đổi Thông báo số 460 năm 2025 về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm, sau khi dicofol được xếp vào nhóm chất nguy hại loại 4 và bị cấm sử dụng tại Thái Lan.	Thái Lan dự thảo sửa đổi Thông báo số 460 năm 2025 về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm, sau khi dicofol được xếp vào nhóm chất nguy hại loại 4 và bị cấm sử dụng tại Thái Lan từ ngày 08/7/2025. Theo đó, dự thảo bổ sung dicofol vào Phụ lục 1 về thuốc bảo vệ thực vật thuộc nhóm chất nguy hại loại 4. Dư lượng dicofol trong thực phẩm phải thấp hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích. Đồng thời, Thái Lan đề xuất bãi bỏ các mức dư lượng tối đa đối với dicofol đang được quy định tại Phụ lục 2 của Thông báo số 460 năm 2025. Dự thảo cũng bổ sung giới hạn phát hiện đối với dicofol tại Phụ lục 5, cụ thể: 0,005 mg/kg đối với rau tươi, quả tươi và các sản phẩm thực vật khác; 0,01 mg/kg đối với ngũ cốc và các loại đậu; 0,003 mg/kg đối với thịt, tính trên phần chất béo; và 0,002 mg/kg đối với sữa và trứng. Đối với thực phẩm chế biến, dư lượng dicofol không được vượt quá yêu cầu áp dụng đối với nguyên liệu nông sản tương ứng. Dự thảo có hiệu lực kể ngay sau ngày được công bố trên Công báo Thái Lan. Thời hạn góp ý trước ngày 18/9/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
41	G/SPS/N/CHL/863/Rev.1/Add.1	CNTY	Chi-lê	20/7/2026	Chi-lê sửa đổi dự thảo quy định điều kiện vệ sinh thú y đối với việc nhập khẩu động vật họ ngựa theo chế độ nhập khẩu lâu dài và chế độ “hai bán cầu”, đồng thời bãi bỏ Nghị quyết số 1.582 năm 2019.	Chi-lê sửa đổi dự thảo quy định điều kiện vệ sinh thú y đối với việc nhập khẩu động vật họ ngựa theo chế độ nhập khẩu lâu dài và chế độ “hai bán cầu”, đồng thời bãi bỏ Nghị quyết số 1.582 năm 2019. Việc tham vấn lần thứ hai được thực hiện do Chi-lê loại bỏ khỏi dự thảo các phương án được quy định tại khoản 4 Điều 12.9.2 Bộ luật Sức khỏe động vật trên cạn của Tổ chức Thú y thế giới (WOAH), cho phép nhập khẩu động vật họ ngựa có kết quả xét nghiệm huyết thanh dương tính với viêm động mạch do vi-rút ở ngựa. Theo dự thảo, động vật họ ngựa nhập khẩu phải đáp ứng các yêu cầu cụ thể về tình trạng dịch bệnh, xét nghiệm, tiêm phòng, điều trị và kiểm soát véc-tơ đối với nhiều bệnh truyền nhiễm, gồm bệnh dịch tả ngựa châu Phi, viêm tử cung truyền nhiễm ở ngựa, bệnh giao phối truyền nhiễm ở ngựa, thiếu máu truyền nhiễm ở ngựa, cúm ngựa, bệnh ký sinh trùng đường máu ở ngựa, viêm động mạch do vi-rút ở ngựa, bệnh ty thương, bệnh dại, viêm não Nhật Bản và một số bệnh khác. Động vật phải được cách ly trước khi xuất khẩu dưới sự giám sát chính thức ít nhất 21 ngày, được kiểm tra sức khỏe, xét nghiệm, tiêm phòng và điều trị theo quy định; đồng thời phải được nhận dạng riêng bằng vi mạch phù hợp tiêu chuẩn ISO 11784 và có thể đọc bằng thiết bị tương thích với tiêu chuẩn ISO 11785. Động vật phải kèm theo Giấy chứng nhận thú y quốc tế bằng tiếng Tây Ban Nha và ngôn ngữ chính thức của nước xuất xứ, cùng kết quả xét nghiệm và giấy chứng nhận tiêm phòng có liên quan. Sau khi đến Chi-lê, động vật phải được cách ly sau nhập

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						khẩu tại cơ sở kiểm dịch động vật của Cơ quan Nông nghiệp và Chăn nuôi Chi-lê (SAG) hoặc tại cơ sở cách ly được SAG chấp thuận trong trường hợp cơ sở kiểm dịch của SAG không còn chỗ. Riêng ngựa giống nhập khẩu theo chế độ “hai bán cầu” có thể được cách ly tại trại giống đích đã được SAG chấp thuận. Thời gian cách ly không dưới 10 ngày và chỉ kết thúc khi thông tin trong giấy chứng nhận thú y được xác nhận là phù hợp, đã có đầy đủ kết quả xét nghiệm được yêu cầu trong thời gian cách ly và động vật không có dấu hiệu mắc bệnh truyền nhiễm hoặc ký sinh trùng. Dự thảo dự kiến có hiệu lực sau 06 tháng kể từ ngày được công bố trên Công báo Chi-lê. Thời hạn góp ý là 20 ngày kể từ ngày 20/7/2026.
42	G/SPS/N/BDI/168 ¹	BCT	Cộng đồng Đông Phi	16/7/2026	Cộng đồng Đông Phi dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi DEAS 29-2:2026 về đồ uống có hương vị trên nền nước, Phần 2: Nước tăng lực.	Cộng đồng Đông Phi dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi DEAS 29-2:2026 về đồ uống có hương vị trên nền nước, Phần 2: Nước tăng lực. Dự thảo quy định yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và phương pháp thử đối với nước tăng lực. Theo đó, nước tăng lực là đồ uống không cồn có nền nước, có ga hoặc không có ga, chứa caffeine và/hoặc các chất kích thích được phép khác cùng với phụ gia thực phẩm được phép, được pha chế để tăng cường năng lượng và sự tỉnh táo. Nước tăng lực có thể được sản xuất từ nước, carbon dioxide, muối ăn, vitamin, khoáng chất, axit amin và phosphatid được phép, nước ép trái cây hoặc rau củ, thịt quả, quả xay nhuyễn, chiết xuất rau củ, thảo mộc hoặc

¹ G/SPS/N/KEN/379; G/SPS/N/RWA/161; G/SPS/N/TZA/549; G/SPS/N/UGA/492

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						các bộ phận khác của thực vật và hương liệu. Một số thành phần tùy chọn phải tuân thủ mức tối đa quy định, trong đó taurine tối đa 400 mg/100 ml, glucuronolactone tối đa 240 mg/100 ml và inositol tối đa 20 mg/100 ml. Về chất lượng, nước tăng lực không được chứa tạp chất lạ hoặc chất lơ lửng; phải có mùi, vị đặc trưng và không có vị ôi khét. Các chỉ tiêu kỹ thuật gồm tổng chất rắn hòa tan từ 5,1 đến 20 °Brix đối với nước tăng lực có đường, tối đa 5 °Brix đối với nước tăng lực ít năng lượng và tối đa 0,5 °Brix đối với nước tăng lực không đường; pH tối thiểu 2,5; hàm lượng caffeine từ 200 đến 320 mg/l. Đối với nước tăng lực có ga, mức carbonat hóa tối thiểu là 01 thể tích khí, tương đương 1,966 g CO₂/l. Phụ gia thực phẩm sử dụng trong sản xuất nước tăng lực phải phù hợp với CXS 192. Sản phẩm phải được sản xuất và xử lý trong điều kiện vệ sinh theo EAS 39, đồng thời đáp ứng giới hạn vi sinh vật gồm tổng số vi sinh vật tối đa 100 CFU/ml, không có coliform, tổng số nấm men và nấm mốc tối đa 30 CFU/ml. Nước tăng lực phải tuân thủ giới hạn tối đa đối với chất ô nhiễm theo CXS 193-1995. Giới hạn kim loại nặng gồm arsen tối đa 0,1 mg/kg, chì 0,1 mg/kg, thiếc 150 mg/kg đối với sản phẩm đóng hộp và cadimi 0,003 mg/kg. Sản phẩm phải được đóng trong bao bì dùng cho thực phẩm, bảo đảm tính toàn vẹn, chất lượng và an toàn của sản phẩm. Nhãn sản phẩm phải thể hiện tên sản phẩm; tên và địa chỉ thực tế của nhà sản xuất, cơ sở đóng gói, nhà phân phối, nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu hoặc người bán; nước xuất xứ; danh sách thành phần theo thứ tự hàm

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						lượng giảm dần; thông tin dinh dưỡng; ngày sản xuất; hạn sử dụng; số lô; điều kiện bảo quản; thể tích tịnh và khuyến nghị lượng sử dụng hằng ngày. Đối với khuyến nghị lượng sử dụng hằng ngày, dự thảo đang nêu hai phương án gồm: không khuyến nghị uống quá 500 ml/ngày; hoặc nhà sản xuất ghi trên nhãn số đơn vị sản phẩm được sử dụng tương ứng với mức caffeine 400 mg/ngày. Nội dung này còn được đặt trong ngoặc vuông và chưa phải phương án cuối cùng. Nước tăng lực có caffeine phải ghi cảnh báo không khuyến nghị sử dụng cho trẻ em, phụ nữ mang thai, phụ nữ cho con bú và người nhạy cảm với caffeine. Đối với sản phẩm có ga, từ “carbonated” phải được ghi gần tên sản phẩm. Ghi nhãn dinh dưỡng phải phù hợp với EAS 803; các công bố về dinh dưỡng và sức khỏe, nếu sử dụng, phải phù hợp với EAS 804 và EAS 805. Việc lấy mẫu được thực hiện theo CXG 50. Dự thảo có mục tiêu bảo đảm an toàn thực phẩm, tham chiếu CXG 66 về sử dụng hương liệu và CXS 192 về phụ gia thực phẩm, đồng thời được xác định là phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế liên quan. Dự thảo dự kiến được thông qua ngày 31/12/2026; ngày công bố và ngày có hiệu lực chưa được xác định. Thời hạn góp ý trước ngày 14/9/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
43	G/SPS/N/BDI/167 ²	BCT	Cộng đồng Đông phi	16/7/2026	Cộng đồng Đông Phi dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi DEAS 29-1:2026 về đồ uống có hương vị trên nền nước, Phần 1: Đồ uống giải khát có ga và không có ga.	Cộng đồng Đông Phi dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi DEAS 29-1:2026 về đồ uống có hương vị trên nền nước, Phần 1: Đồ uống giải khát có ga và không có ga. Dự thảo quy định yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và phương pháp thử đối với đồ uống giải khát có ga và không có ga dạng uống liền. Tiêu chuẩn không áp dụng đối với các sản phẩm đã có tiêu chuẩn riêng, gồm các loại nước, bao gồm nước uống đóng gói, nước uống có hương vị và nước khoáng thiên nhiên đóng gói; đồ uống trái cây; nước ép trái cây, thịt quả, quả nghiền và nectar trái cây; nước ép và nectar rau củ; nước thảo mộc; và đồ uống từ ngũ cốc. Theo dự thảo, đồ uống có ga và không có ga phải đáp ứng yêu cầu về thành phần, trạng thái, độ đồng nhất và chất lượng cảm quan; không có mùi, vị lạ, không bị hư hỏng, không bị nhiễm bẩn bởi côn trùng hoặc động vật gặm nhấm, không chứa tạp chất lạ. Đồ uống trong suốt phải duy trì độ trong trong điều kiện bảo quản thông thường và không được xuất hiện cặn, trừ sản phẩm có chứa các phần tử như miếng trái cây hoặc rau củ. Dự thảo quy định các chỉ tiêu kỹ thuật gồm pH tối thiểu 2,5; hàm lượng ethanol tối đa 0,5% thể tích/thể tích; caffeine tối đa 200 mg/l; muối quinine tối đa 100 mg/l; tổng chất rắn hòa tan tối thiểu 5,1 °Brix đối với đồ uống có đường, tối đa 5 °Brix đối với đồ uống ít năng lượng và tối đa 0,5 °Brix đối với đồ uống không đường. Đồ uống có ga phải có mức carbonat hóa tối thiểu 01 thể tích khí, tương đương 1,97667 g CO₂/l. Phụ gia thực phẩm, nếu được sử dụng, phải phù hợp với Tiêu chuẩn chung về phụ gia thực phẩm CXS 192.

² G/SPS/N/KEN/378; G/SPS/N/RWA/160; G/SPS/N/TZA/548; G/SPS/N/UGA/491

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Về an toàn thực phẩm, sản phẩm phải tuân thủ giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật do Ủy ban Tiêu chuẩn thực phẩm Codex quy định đối với hàng hóa tương ứng. Giới hạn tối đa đối với kim loại nặng gồm arsen 0,1 mg/kg, chì 0,1 mg/kg, thiếc 150 mg/kg đối với sản phẩm đóng hộp và cadimi 0,003 mg/kg. Sản phẩm phải được sản xuất và xử lý trong điều kiện vệ sinh theo EAS 39, đồng thời đáp ứng giới hạn vi sinh vật gồm tổng số khuẩn lạc tối đa 100 CFU/ml; không có coliform; tổng số nấm men và nấm mốc tối đa 30 CFU/ml. Dự thảo quy định yêu cầu ghi nhãn theo EAS 38, gồm tên sản phẩm; danh sách thành phần theo thứ tự hàm lượng giảm dần; tên và địa chỉ thực tế của nhà sản xuất, cơ sở đóng gói, nhà phân phối, nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu hoặc người bán; khối lượng tịnh; ngày sản xuất; hạn sử dụng; số lô; thông tin về chất gây dị ứng và hướng dẫn sử dụng, nếu có. Đối với sản phẩm có ga, từ “carbonated” phải được ghi gần tên sản phẩm. Việc sử dụng hình ảnh thể hiện trái cây hoặc cụm từ “contains fruit juice” trên nhãn chỉ được phép khi hàm lượng loại trái cây hoặc nước quả tương ứng đạt tối thiểu 10%. Trường hợp sử dụng từ hai loại trái cây hoặc nước quả trở lên, tổng hàm lượng kết hợp phải đạt tối thiểu 10%. Ghi nhãn dinh dưỡng phải phù hợp với EAS 803; các công bố về dinh dưỡng và sức khỏe, nếu sử dụng, phải phù hợp với EAS 804 và EAS 805. Dự thảo có mục tiêu bảo đảm an toàn thực phẩm; tham chiếu hướng dẫn Codex về lấy mẫu, sử dụng hương liệu

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						và phụ gia thực phẩm, đồng thời được xác định là phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế liên quan. Dự thảo dự kiến được thông qua ngày 31/12/2026; ngày công bố và ngày có hiệu lực chưa được xác định. Thời hạn góp ý trước ngày 14/9/2026.
44	G/SPS/N/EU/964	CNTY	Liên minh châu Âu	16/7/2026	Liên minh châu Âu (EU) dự thảo cho phép sử dụng tinh dầu thì là đắng từ <i>Foeniculum vulgare</i> Mill. làm phụ gia thức ăn chăn nuôi đối với tất cả các loài động vật; cho phép sử dụng tinh dầu thì là ngọt từ <i>Foeniculum vulgare</i> Mill. làm phụ gia thức ăn cho chó và mèo; đồng thời rút khỏi thị trường tinh dầu thì là ngọt dùng cho các loài động vật khác.	Liên minh châu Âu (EU) dự thảo cho phép sử dụng tinh dầu thì là đắng từ <i>Foeniculum vulgare</i> Mill. làm phụ gia thức ăn chăn nuôi đối với tất cả các loài động vật; cho phép sử dụng tinh dầu thì là ngọt từ <i>Foeniculum vulgare</i> Mill. làm phụ gia thức ăn cho chó và mèo; đồng thời rút khỏi thị trường tinh dầu thì là ngọt dùng cho các loài động vật khác. Theo đó, hai loại tinh dầu được phân loại là phụ gia cảm quan, thuộc nhóm chức năng chất tạo hương. Việc rút tinh dầu thì là ngọt dùng cho các loài ngoài chó và mèo khỏi thị trường được đề xuất do bên nộp hồ sơ đã rút phần hồ sơ đề nghị cấp lại phép đối với các loài và nhóm động vật này. Các chất tạo hương được phép sử dụng trong thức ăn chăn nuôi nhưng không được sử dụng trong nước uống, do Quy định (EC) số 1831/2003 không cho phép cấp phép chất tạo hương theo hình thức sử dụng trong nước uống. Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu (EFSA) kết luận rằng, trong các điều kiện sử dụng được đề xuất, tinh dầu thì là đắng không gây lo ngại về an toàn đối với động vật có vòng đời sản xuất ngắn và rất ít khả năng gây tác động bất lợi đối với các loài khác, kể cả động vật sống lâu và động vật sinh sản.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Việc sử dụng tinh dầu này ở các mức quy định không gây lo ngại cho người tiêu dùng và dự kiến không gây rủi ro đối với môi trường. Đối với tinh dầu thì là ngọt, EFSA kết luận việc sử dụng theo điều kiện đề xuất rất ít khả năng gây tác động bất lợi đối với chó và mèo. Tuy nhiên, cả hai loại tinh dầu có thể gây kích ứng da, mắt và đường hô hấp, đồng thời có khả năng gây mẫn cảm qua da và đường hô hấp. Do có hàm lượng estragole cao, các phụ gia này được phân loại là bị nghi ngờ có khả năng gây tổn thương di truyền và gây ung thư; vì vậy, hàm lượng estragole cần được duy trì ở mức thấp nhất có thể. Dự thảo quy định mức sử dụng tối đa riêng đối với từng loài hoặc nhóm động vật; yêu cầu phụ gia phải được bổ sung vào thức ăn thông qua premix và không được sử dụng kết hợp với phụ gia khác có chứa estragole. Trường hợp sử dụng đồng thời với các phụ gia thức ăn chăn nuôi khác, tổng hàm lượng các chất thuộc nhóm p-allylalkoxybenzenes, gồm methyleugenol, estragole, elemicin, safrole, myristicin, dillapiol và apiol, trong nguyên liệu thức ăn và thức ăn hỗn hợp không được vượt quá mức tương ứng phát sinh khi sử dụng phụ gia được cấp phép có hàm lượng cao nhất ở mức tối đa hoặc mức tối đa khuyến nghị đối với từng loài hoặc nhóm động vật. Cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi phải xây dựng quy trình vận hành và áp dụng biện pháp tổ chức để kiểm soát rủi ro đối với người sử dụng. Trường hợp không thể loại bỏ rủi ro bằng các biện pháp này, người sử dụng phải được trang bị phương tiện bảo vệ da, mắt và đường

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						hồ hấp. EU đồng thời quy định giai đoạn chuyển tiếp để các bên liên quan tiêu thụ hết phụ gia, premix, nguyên liệu thức ăn và thức ăn hỗn hợp đã được sản xuất, ghi nhãn theo quy định trước đây. Riêng đối với tinh dầu thì là ngọt dùng cho các loài ngoài chó và mèo thuộc diện rút khỏi thị trường, các lô phụ gia hiện có được tiếp tục lưu thông và sử dụng trong 12 tháng; premix trong 15 tháng; nguyên liệu thức ăn và thức ăn hỗn hợp trong 24 tháng kể từ ngày quy định có hiệu lực. Dự thảo dự kiến được thông qua và công bố vào tháng 12/2026, có hiệu lực sau 20 ngày kể từ ngày đăng trên Công báo Liên minh châu Âu. Thời hạn góp ý trước ngày 14/9/2026.
45	G/SPS/N/COL/430	CNTY	Cô-lôm-bi-a	16/7/2026	Cô-lôm-bi-a dự thảo quy định về đăng ký và kiểm soát cơ sở sản xuất, cơ sở sản xuất theo hợp đồng, cơ sở gia công bán thành phẩm, cơ sở nhập khẩu và cơ sở lưu kho mỹ phẩm dùng cho động vật, sản phẩm thảo dược, sản phẩm vi lượng đồng căn và nguyên liệu tương ứng dùng trong thú y.	Cô-lôm-bi-a dự thảo quy định về đăng ký và kiểm soát cơ sở sản xuất, cơ sở sản xuất theo hợp đồng, cơ sở gia công bán thành phẩm, cơ sở nhập khẩu và cơ sở lưu kho mỹ phẩm dùng cho động vật, sản phẩm thảo dược, sản phẩm vi lượng đồng căn và nguyên liệu tương ứng dùng trong thú y. Theo đó, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thực hiện các hoạt động nêu trên tại Cô-lôm-bi-a phải đăng ký với Viện Nông nghiệp Cô-lôm-bi-a (ICA). Dự thảo quy định cụ thể yêu cầu về hồ sơ pháp lý, cơ sở vật chất, khu vực sản xuất và lưu kho, trang thiết bị, hệ thống quản lý chất lượng, kiểm nghiệm, thực hành tốt sản xuất và thực hành tốt bảo quản đối với từng loại hình hoạt động. Cơ sở gia công bán thành phẩm được xác định là cơ sở thực hiện các công đoạn như cân chia hoặc cấp phát nguyên liệu, đóng gói sản phẩm dạng rời và/hoặc hoàn thiện thành phẩm.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Hồ sơ đăng ký được ICA thẩm định tài liệu và kiểm tra thực tế tại cơ sở trước khi cấp đăng ký. Đăng ký có thời hạn không xác định nhưng chịu sự kiểm tra định kỳ và có thể bị đình chỉ hoặc hủy bỏ nếu không còn đáp ứng các điều kiện đã được phê duyệt. Dự thảo đồng thời quy định việc đăng ký người phụ trách kỹ thuật về quản lý và đăng ký sản phẩm; trách nhiệm của doanh nghiệp đối với chất lượng, an toàn, hiệu quả, tác dụng bất lợi và thiệt hại do sản phẩm gây ra; yêu cầu lưu giữ hồ sơ, mẫu nguyên liệu và mẫu thành phẩm; các trường hợp sửa đổi, đình chỉ hoặc hủy đăng ký; hoạt động kiểm tra chính thức và xử lý vi phạm. Các đăng ký đã được cấp theo quy định trước đây phải được cập nhật trong thời hạn 05 năm kể từ ngày quy định có hiệu lực. Quy định dự kiến có hiệu lực từ ngày 02/10/2026 và thay thế các quy định liên quan tại Nghị quyết ICA số 069245/2020, 1578/2022 và 7925/2022. Thời hạn góp ý trước ngày 14/9/2026.
46	G/SPS/N/CHL/891	CNTY	Chi-lê	15/7/2026	Chi-lê dự thảo Nghị quyết quy định yêu cầu vệ sinh thú y đối với việc nhập khẩu thịt lợn ướp lạnh hoặc đông lạnh, đồng thời bãi bỏ Nghị quyết số 3.397 năm 1998. Phạm vi áp dụng bao gồm thịt lợn nguyên miếng, thịt băm, thịt xay, thịt tách cơ học và thịt lợn tẩm ướp.	Chi-lê dự thảo Nghị quyết quy định yêu cầu vệ sinh thú y đối với việc nhập khẩu thịt lợn ướp lạnh hoặc đông lạnh, đồng thời bãi bỏ Nghị quyết số 3.397 năm 1998. Phạm vi áp dụng bao gồm thịt lợn nguyên miếng, thịt băm, thịt xay, thịt tách cơ học và thịt lợn tẩm ướp. Dự thảo cập nhật các điều kiện nhập khẩu nhằm phòng ngừa nguy cơ đưa các bệnh truyền nhiễm ở động vật vào Chi-lê, duy trì mức bảo vệ thích hợp và phù hợp với các khuyến nghị của Tổ chức Thú y Thế giới (WOAH). Theo đó, cơ quan thú y có thẩm quyền của nước xuất

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						khẩu phải được Cơ quan Nông nghiệp và Chăn nuôi Chi-lê (SAG) đánh giá đạt yêu cầu. Quốc gia, vùng hoặc ngăn dịch tể xuất xứ phải được WOAHA công nhận chính thức là sạch bệnh lở mồm long móng, có hoặc không áp dụng tiêm phòng, và sạch dịch tả lợn cổ điển trong điều kiện không tiêm phòng; đồng thời phải đáp ứng các quy định của Bộ luật Sức khỏe động vật trên cạn của WOAHA để được coi là sạch dịch tả lợn châu Phi. Các điều kiện dịch bệnh này phải được SAG đánh giá và chấp thuận. Lợn phải được sinh ra, nuôi dưỡng và giết mổ tại nước xuất khẩu hoặc đã lưu trú tại nước xuất khẩu ít nhất 3 tháng trước ngày giết mổ. Động vật không được tiếp xúc trong 90 ngày trước khi giết mổ với động vật đến từ quốc gia hoặc vùng không được công nhận đạt yêu cầu về tình trạng dịch bệnh; phải được nuôi tách biệt với động vật móng guốc hoang dã từ khi sinh ra; đồng thời phải được kiểm tra trước và sau giết mổ dưới sự giám sát thú y chính thức, được xác định không mắc bệnh truyền nhiễm và đủ điều kiện dùng làm thực phẩm. Cơ sở xuất phát của động vật không được xảy ra các bệnh truyền nhiễm thuộc diện áp dụng biện pháp hạn chế vệ sinh thú y trong 6 tháng trước ngày giết mổ; không ghi nhận bệnh mụn nước ở lợn hoặc viêm miệng mụn nước trong thời gian này. Cơ sở xuất phát của động vật và cơ sở sản xuất thịt không được nằm trong khu vực đang bị kiểm soát hoặc hạn chế do dịch bệnh; tại cơ sở và trong phạm vi bán kính 10 km xung quanh, kể cả phần lãnh thổ của nước láng giềng nếu có, không được ghi nhận bệnh lở mồm long móng, dịch tả lợn cổ điển hoặc dịch tả lợn châu Phi. Cơ sở giết mổ, chế biến và bảo quản phải được cơ quan

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						thú y có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp phép và được SAG phê duyệt. Thịt không được có nguồn gốc từ động vật bị giết mổ trong khuôn khổ chương trình kiểm soát hoặc thanh toán dịch bệnh và phải đáp ứng các yêu cầu của nước xuất khẩu đối với thịt dùng làm thực phẩm. Trong quá trình giết mổ, chế biến và đóng gói, phải áp dụng biện pháp ngăn ngừa tiếp xúc trực tiếp hoặc gián tiếp với sản phẩm có nguồn gốc từ động vật có tình trạng dịch bệnh thấp hơn. Đối với <i>Trichinella</i>, thịt phải có nguồn gốc từ lợn thuộc ngăn dịch tễ có nguy cơ nhiễm không đáng kể theo Bộ luật của WOAHI, hoặc lợn đã được xét nghiệm phát hiện ấu trùng <i>Trichinella</i> spp. với kết quả âm tính, hoặc thịt đã được xử lý bằng phương pháp bảo đảm vô hoạt ấu trùng. Thịt ướp lạnh phải được bảo quản và vận chuyển ở nhiệt độ từ 0°C đến 7°C; thịt đông lạnh ở nhiệt độ không cao hơn -18°C. Sản phẩm phải được đóng trong bao bì mới, niêm phong kín; bao bì trực tiếp phải ghi nước xuất khẩu, tên và mã số chính thức của cơ sở, thông tin nhận diện sản phẩm, số lô hoặc ngày sản xuất. Phương tiện hoặc khoang vận chuyển phải được cơ quan có thẩm quyền niêm phong, bảo đảm cách ly sản phẩm, duy trì nhiệt độ và điều kiện vệ sinh. Số hoặc mã niêm phong phải truy xuất được với Giấy chứng nhận thú y quốc tế. Mỗi lô hàng phải kèm Giấy chứng nhận thú y quốc tế (CVI) do cơ quan thú y có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp bằng tiếng Tây Ban Nha và ngôn ngữ chính

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						thức của nước xuất khẩu. CVI phải thể hiện các điều kiện vệ sinh thú y cụ thể và các thông tin phục vụ truy xuất như cơ quan cấp, nước xuất khẩu, nhà xuất khẩu và nhập khẩu, cơ sở giết mổ, chế biến hoặc bảo quản, ngày giết mổ, số lô hoặc ngày sản xuất, số lượng, khối lượng, điều kiện nhiệt độ và mã niêm phong phương tiện. Khi lô hàng đến Chi-lê, SAG có thể áp dụng các biện pháp kiểm tra và thủ tục bổ sung trên cơ sở có căn cứ; chi phí do bên liên quan chi trả. Dự thảo dự kiến được công bố khoảng 80 ngày kể từ ngày thông báo và có hiệu lực sau 6 tháng kể từ ngày đăng trên Công báo Chi-lê; trong thời gian chuyển tiếp, Nghị quyết số 3.397 năm 1998 tiếp tục được áp dụng. Thời hạn cuối góp ý trước ngày 13/9/2026.
47	G/SPS/N/CAN/1645	CNTY	Ca-na-đa	15/7/2026	Ca-na-đa dự thảo sửa đổi một số quy định nhằm hài hòa Lệnh cấm tăng cường đối với thức ăn chăn nuôi.	Ca-na-đa dự thảo sửa đổi một số quy định nhằm hài hòa Lệnh cấm tăng cường đối với thức ăn chăn nuôi với bối cảnh dịch tễ học hiện nay và yêu cầu quản lý của Hoa Kỳ. Các quy định hiện hành được xây dựng gần 20 năm trước và chưa phản ánh đầy đủ tình hình dịch tễ học hiện nay, đặc biệt sau khi Ca-na-đa được Tổ chức Thú y Thế giới (WOAH) công nhận có nguy cơ không đáng kể đối với bệnh não xốp ở bò (bovine spongiform encephalopathy – BSE) từ năm 2021. Dự thảo cho phép sử dụng một nhóm vật liệu có nguy cơ được chỉ định đủ điều kiện (eligible specified risk material – ESRM) trong thức ăn cho động vật không nhai lại, thức ăn cho thú cưng và phân bón theo các điều

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						kiện nhất định. Toàn bộ vật liệu có nguy cơ được chỉ định (specified risk material – SRM) tiếp tục bị cấm sử dụng trong thực phẩm và thức ăn cho động vật nhai lại. ESRM gồm hộp sọ, mắt, amidan, hạch sinh ba và hạch rỗng của bò từ 30 tháng tuổi trở lên, cùng đoạn cuối hồi tràng của bò ở mọi độ tuổi. Não và tủy sống của bò từ 30 tháng tuổi trở lên không thuộc ESRM và tiếp tục chịu đầy đủ các yêu cầu kiểm soát hiện hành đối với SRM có nguy cơ cao. Cơ sở giết mổ hoặc chế biến lựa chọn tách và chuyển hướng ESRM của bò từ 30 tháng tuổi trở lên phải được Cơ quan Thanh tra thực phẩm Ca-na-đa cấp giấy phép và chứng minh khả năng phân tách ESRM khỏi các SRM có nguy cơ cao. Không yêu cầu giấy phép mới khi cơ sở chỉ chuyển hướng đoạn cuối hồi tràng của bò dưới 30 tháng tuổi. Sau khi được phân tách, ESRM tiếp tục được quản lý như vật liệu bị cấm theo các yêu cầu hiện hành, bao gồm lệnh cấm sử dụng trong thức ăn cho động vật nhai lại và các quy định về cơ sở xử lý, lưu giữ hồ sơ, thu hồi, ghi nhãn, kiểm tra và thực thi. Để thực hiện các thay đổi này, Ca-na-đa đề xuất sửa đổi Quy định về sức khỏe động vật, Quy định về thức ăn chăn nuôi năm 2024 và Quy định về phân bón. Một số nội dung của Quy định về thực phẩm an toàn cho người Ca-na-đa và Quy định về thực phẩm và dược phẩm cũng được đề xuất sửa đổi hoặc bãi bỏ nhằm bảo đảm tính thống nhất giữa các khuôn khổ pháp lý. Các đánh giá khoa học cập nhật cho thấy việc cho phép sử dụng ESRM trong thức ăn cho động vật không nhai

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						lại, thức ăn cho thú cưng và phân bón không làm gia tăng nguy cơ đối với sức khỏe con người hoặc động vật khi các biện pháp kiểm soát hiện hành tiếp tục được duy trì. Mục tiêu của dự thảo là bảo vệ sức khỏe động vật, đồng thời giảm thủ tục hành chính, giảm gánh nặng tuân thủ và hài hòa hơn với yêu cầu của Hoa Kỳ. Dự thảo phù hợp với Chương 11.4 của Bộ luật Sức khỏe động vật trên cạn của WOAHA. Quy định dự kiến được thông qua và công bố trong vòng 12–18 tháng kể từ khi dự thảo được đăng tại Phần I Công báo Ca-na-đa và có hiệu lực vào ngày được đăng ký và công bố tại Phần II Công báo Ca-na-đa. Thời hạn cuối góp ý trước ngày 13/9/2026.
48	G/SPS/N/SLV/152	CNTY, CCPT	Ên Xan-va-đo	15/7/2026	Ên Xan-va-đo dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật RTS 65.03.02:26 về thực hành vệ sinh và hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP) đối với cơ sở chế biến mật ong dùng làm thực phẩm cho người.	Ên Xan-va-đo dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật RTS 65.03.02:26 về thực hành vệ sinh và hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP) đối với cơ sở chế biến mật ong dùng làm thực phẩm cho người. Quy chuẩn áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân được Bộ Nông nghiệp và Chăn nuôi Ên Xan-va-đo cấp phép thực hiện hoạt động tiếp nhận, chế biến, đóng gói, bảo quản và vận chuyển mật ong trên lãnh thổ nước này. Theo đó, cơ sở chế biến phải đáp ứng các yêu cầu về điều kiện vệ sinh, thiết bị và dụng cụ tiếp xúc với thực phẩm, chất lượng nước, tiếp nhận và lọc mật ong, vệ sinh và sức khỏe người lao động, quản lý nhà cung cấp và truy xuất nguồn gốc. Mật ong chỉ được tiếp nhận từ người nuôi ong có mã số còn hiệu lực; các thùng chứa phải ghi mã người nuôi ong, ngày thu hoạch và vị trí trại ong, đồng thời phải lấy mẫu lưu để phục vụ truy xuất.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Cơ sở được phép xuất khẩu mật ong phải tiếp nhận nguyên liệu từ người nuôi ong đáp ứng yêu cầu kiểm tra, cung cấp đầy đủ thông tin mùa vụ và áp dụng hệ thống HACCP theo 05 bước chuẩn bị và 07 nguyên tắc. Cơ sở cũng phải cho phép lấy mẫu phục vụ Chương trình quốc gia về kiểm soát dư lượng, cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và chịu chi phí lấy mẫu, phân tích theo quy định. Bộ Nông nghiệp và Chăn nuôi Ên Xan-va-đo sẽ kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy chuẩn. Quy chuẩn dự kiến có hiệu lực sau 03 tháng kể từ ngày được công bố trên Công báo; ngày thông qua và công bố cụ thể chưa được xác định. Thời hạn góp ý trước ngày 13/9/2026.

2. Danh sách quy định có hiệu lực

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
1	G/SPS/N/USA/3578 /Corr.1	TTBVTV, CNTY	Hoa Kỳ	30/7/2026	Hoa Kỳ ban hành quy định chính về mức dư lượng tối đa đối với hoạt chất epyrifenacil trên 1 số sản phẩm.	Hoa Kỳ ban hành quy định chính về mức dư lượng tối đa đối với hoạt chất epyrifenacil. Cụ thể, quy định chính tăng mức giới hạn từ 0,005 ppm lên 0,01 ppm đối với các sản phẩm thức ăn chăn nuôi bao gồm: ngô đồng (thức ăn thô xanh, thân lá khô), đậu nành (thức ăn thô xanh, cỏ khô) và lúa mì (thức ăn thô xanh, cỏ khô, rom rạ). Quy định được ban hành theo Đạo luật Liên bang về Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm (FFDCA) nhằm đảm bảo mức dư lượng an toàn. Thời hạn góp ý trước ngày 28/9/2026.
2	G/SPS/N/ISR/14/Rev.1	ATTP	I-xra-en	29/7/2026	I-xra-en thông báo việc áp dụng sửa đổi Quy định Bảo vệ Sức khỏe Cộng đồng (Thực phẩm) đối với phụ gia thực phẩm. (sửa đổi dựa theo Quy định 1333/2008 của Liên minh châu Âu)	I-xra-en thông báo việc áp dụng sửa đổi Quy định Bảo vệ Sức khỏe Cộng đồng (Thực phẩm) đối với phụ gia thực phẩm. Theo đó, quy định bổ sung polyvinylpyrrolidone (E 1202) vào Phần 1 (các chất mang trong phụ gia thực phẩm) của Phụ lục III. Cụ thể, chất này được phép sử dụng làm chất mang trong các viên nén tạo màu dùng để nhuộm màu trang trí cho vỏ trứng gia cầm. I-xra-en dự kiến áp dụng thay đổi này vào pháp luật trong nước mà không có bất kỳ sửa đổi, bổ sung điều kiện, ngoại lệ hoặc mở rộng nào so với quy định của EU. Thông báo có hiệu lực từ ngày 01/01/2026. Thời hạn góp ý trước ngày 27/9/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
3	G/SPS/N/ISR/12/Rev.4	TTBVTV	I-xra-en	29/7/2026	I-xra-en thông báo việc áp dụng sửa đổi Quy định Bảo vệ Sức khỏe Cộng đồng (Thực phẩm) đối với mức dư lượng tối đa của thuốc bảo vệ thực vật. (sửa đổi dựa theo Quy định 396/2005 của Liên minh châu Âu)	I-xra-en thông báo việc áp dụng các sửa đổi đối với Quy định Bảo vệ Sức khỏe Cộng đồng (Thực phẩm) liên quan đến mức dư lượng tối đa (MRLs) của thuốc bảo vệ thực vật. Theo đó, quy định cập nhật các thay đổi kỹ thuật chính đối với Phụ lục II, III và IV dựa theo Quy định 396/2005 của Liên minh châu Âu. Cụ thể, hoạt chất acetamiprid được thay đổi mức dư lượng trên mận, hạt lanh, hạt anh túc, hạt mù tạt, hạt camelina, mật ong, các sản phẩm nghề nuôi ong và quy định mức chuẩn 0.01 mg/kg cho đậu nành; dung sai nhập khẩu mới đối với azoxystrobin trên dưa lưới, dưa hấu và hexythiazox trên việt quất, mâm xôi; đồng thời bổ sung mức MRL mới đối với picloram trên mỡ và gan của các loại gia súc (lợn, bò, cừu, dê, ngựa) cùng mật ong; propamocarb đối với lá củ cải nhỏ, củ cải và rau arugula; isoxaben đối với đậu khô, đậu Hà Lan khô; tefluthrin đối với cải ngựa, atisô Jerusalem, củ cải vàng, diếp thơm, rễ mùi tây; bổ sung mức MRL vĩnh viễn cho amidosulfuron đối với lúa mạch, yến mạch, lúa mạch đen, lúa mì. Ngoài ra sodium silver thiosulfate cũng được bổ sung vào Phụ lục IV do điều kiện sử dụng không yêu cầu thiết lập mức MRL cụ thể. I-xra-en dự kiến áp dụng các thay đổi này vào pháp luật trong nước mà không có bất kỳ sửa đổi, bổ sung điều kiện, ngoại lệ hoặc mở rộng nào so với quy định của EU, đồng thời các ngoại lệ hiện hành trong pháp luật I-xra-en vẫn tiếp tục có hiệu lực. Thông báo có hiệu lực từ ngày 01/01/2026. Thời hạn góp ý trước ngày 27/9/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
4	G/SPS/N/CAN/1587/Add.1	BCT	Ca-na-đa	28/7/2026	Ca-na-đa thông báo sửa đổi vị trí Danh mục đối với mức giới hạn tối đa (MLs) của ethyl carbamate trong nhiều loại đồ uống có cồn khác nhau.	Ca-na-đa thông báo sửa đổi vị trí Danh mục đối với mức giới hạn tối đa (MLs) của ethyl carbamate trong nhiều loại đồ uống có cồn khác nhau. Cụ thể, Ca-na-đa chuyển đổi mức MRLs của ethyl carbamate trong đồ uống có cồn từ Danh mục các Chất ô nhiễm và các Chất pha trộn khác trong Thực phẩm sang Danh mục các chất gây ô nhiễm và các chất làm giả khác trong thực phẩm.
5	G/SPS/N/BRA/2483/Add.1	TTBVTV, LNKL	Bra-xin	28/7/2026	Bra-xin ban hành Hướng dẫn quy phạm ANVISA số 461 về việc cập nhật hoạt chất C55 - Các hợp chất gốc đồng đối với Danh mục hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm diệt sinh vật gây hại dùng trong vệ sinh và chất bảo quản gỗ.	Bra-xin ban hành Hướng dẫn quy phạm ANVISA số 461 về việc cập nhật chuyên luận cho hoạt chất C55 - Các hợp chất gốc đồng (Compostos à base de cobre) đối với Danh mục hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm diệt sinh vật gây hại dùng trong vệ sinh và chất bảo quản gỗ. Cụ thể, bổ sung tiểu mục C55.7 - Đồng sulfat tribasic (Sulfato de cobre tribásico) vào chuyên luận của hoạt chất này. Dự thảo trước đó đã được thông báo tại số G/SPS/N/BRA/2483 ngày 9/4/2026. Thời hạn góp ý trước ngày 26/9/2026.
6	G/SPS/N/BRA/2481/Add.1	TTBVTV, LNKL	Bra-xin	28/7/2026	Bra-xin ban hành Hướng dẫn quy phạm ANVISA số 459 về việc bổ sung hoạt chất A72 - Axit Nonanoic đối với Danh mục hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm diệt sinh vật gây hại dùng trong vệ sinh và chất bảo quản gỗ.	Bra-xin ban hành Hướng dẫn quy phạm ANVISA số 459 về việc bổ sung chuyên luận của hoạt chất A72 - Axit Nonanoic đối với Danh mục hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm diệt sinh vật gây hại dùng trong vệ sinh và chất bảo quản gỗ. Cụ thể, bổ sung các loại cây trồng bao gồm lúa gạo, yến mạch, lúa mạch đen, lúa mạch, kê, lúa mì và lúa mì lai vào chuyên luận của hoạt chất này. Dự thảo trước đó đã được thông báo tại số G/SPS/N/BRA/2481 ngày 27/3/2026. Thời hạn góp ý trước ngày 26/9/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
7	G/SPS/N/BRA/2480 /Add.1	TTBVT, LNK	Bra-xin	28/7/2026	Bra-xin ban hành Hướng dẫn quy phạm ANVISA số 460 về việc bổ sung hoạt chất A74 - ASCAROSÍDEO ASCR#18 đối với Danh mục hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm diệt sinh vật gây hại dùng trong vệ sinh và chất bảo quản gỗ.	Bra-xin ban hành Hướng dẫn quy phạm ANVISA số 460 về việc bổ sung chuyên luận của hoạt chất A74 - ASCAROSÍDEO ASCR#18 đối với Danh mục hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, sản phẩm diệt sinh vật gây hại dùng trong vệ sinh và chất bảo quản gỗ. Dự thảo trước đó đã được thông báo tại số G/SPS/N/BRA/2480 ngày 27/3/2026. Thời hạn góp ý trước ngày 26/9/2026.
8	G/SPS/N/EU/920/Add.1	CNTY	Liên minh châu Âu	24/7/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định 2026/1052 ngày 12/5/2026 về việc sửa đổi và đính chính Quy định (EU) 2020/692, bổ sung Quy định (EU) 2016/429 về các yêu cầu đối với việc đưa vào Liên minh, di chuyển và xử lý sau khi đưa vào đối với các lô hàng gồm một số loài động vật, sản phẩm sinh sản và sản phẩm có nguồn gốc động vật.	Liên minh châu Âu ban hành Quy định 2026/1052 ngày 12/5/2026 về việc sửa đổi và đính chính Quy định (EU) 2020/692, bổ sung Quy định (EU) 2016/429 về các yêu cầu đối với việc đưa vào Liên minh, di chuyển và xử lý sau khi đưa vào đối với các lô hàng gồm một số loài động vật, sản phẩm sinh sản và sản phẩm có nguồn gốc động vật. Dự thảo của biện pháp này được thông báo trước đó tại mã G/SPS/N/EU/920. Theo đó, Quy định loại gelatin và collagen khỏi phạm vi điều chỉnh của Quy định (EU) 2020/692 do quy trình sản xuất các sản phẩm này không làm phát sinh rủi ro về các bệnh truyền nhiễm thuộc phạm vi của Luật Sức khỏe động vật EU. Các sản phẩm có nguồn gốc động vật tinh chế cao cũng được loại khỏi phạm vi điều chỉnh do việc xử lý nguyên liệu sử dụng trong sản xuất loại bỏ rủi ro đối với sức khỏe động vật hoặc sức khỏe cộng đồng. Quy định bổ sung Điều 10a về việc áp dụng các điều kiện cụ thể và bảo đảm sức khỏe động vật bổ sung liên quan đến các bệnh được liệt kê đối với động vật, sản

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						phẩm sinh sản và sản phẩm có nguồn gốc động vật xuất xứ từ nước thứ ba, vùng lãnh thổ hoặc khu vực; hoặc từ phân khu trong trường hợp động vật nuôi trồng thủy sản. Quy định đồng thời bổ sung cơ chế ngoại lệ cho phép cơ quan có thẩm quyền của quốc gia thành viên nơi nhập cảnh cho phép đưa chim nuôi nhốt hoặc trứng ấp của chúng vào EU phục vụ chương trình hoặc mục đích bảo tồn. Chương trình phải được cơ quan có thẩm quyền của quốc gia thành viên nơi đến chấp thuận; đồng thời, cơ quan này phải cấp phép cụ thể cho từng lô hàng và xác định các điều kiện áp dụng. Các yêu cầu về nhận diện cá thể đối với động vật móng guốc, chim chạy và chim nuôi nhốt được sửa đổi để phù hợp với các tiêu chuẩn ISO liên quan đến mã quốc gia và thiết bị nhận diện điện tử. Quy định cũng sửa cách ghi thông tin về số nhận diện của chó, mèo và chồn sương trên bộ phát đáp điện tử hoặc hình xăm. Đối với động vật họ ngựa, Quy định làm rõ việc áp dụng các điều kiện thú y cụ thể khi bệnh dịch ngựa châu Phi, viêm não tủy ngựa Venezuela, bệnh ty thương, bệnh giao phối truyền nhiễm ở ngựa hoặc bệnh tiên mao trùng do Trypanosoma evansi đã được ghi nhận tại nước, vùng lãnh thổ hoặc khu vực xuất xứ trong thời gian quy định. Đồng thời, Quy định cho phép áp dụng ngoại lệ khi bệnh chưa từng được ghi nhận hoặc đã vắng mặt trong khoảng thời gian yêu cầu. Đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật, Quy định sửa đổi điều kiện về nguồn thịt tươi được sử dụng để chế biến sản phẩm thịt nhập khẩu vào EU; làm rõ yêu cầu xử lý giảm thiểu rủi ro đối với sữa và sản phẩm sữa; đồng

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						thời cho phép nhập khẩu, trong các điều kiện nhất định, sản phẩm sữa được chế biến từ sữa tươi nguyên liệu hoặc sản phẩm sữa có nguồn gốc từ một hoặc nhiều loài động vật. Quy định cũng sửa đổi điều kiện nhập khẩu sản phẩm trứng. Theo đó, sản phẩm trứng phải có xuất xứ từ nước, vùng lãnh thổ hoặc khu vực được phép xuất khẩu trứng vào EU và có chương trình giám sát cúm gia cầm độc lực cao phù hợp; hoặc có xuất xứ từ nước, vùng lãnh thổ hoặc khu vực được phép xuất khẩu sản phẩm trứng vào EU và đã trải qua biện pháp xử lý phù hợp để vô hiệu hóa virus cúm gia cầm độc lực cao và virus bệnh Newcastle. Đối với sản phẩm hỗn hợp chứa sản phẩm sữa hoặc sản phẩm trứng có khả năng bảo quản ổn định ở nhiệt độ môi trường, Quy định làm rõ yêu cầu về xuất xứ của các thành phần có nguồn gốc động vật, địa điểm áp dụng biện pháp xử lý giảm thiểu rủi ro và hồ sơ kèm theo, bao gồm bản xác nhận tư nhân do chủ thể kinh doanh thực phẩm chịu trách nhiệm đưa lô hàng vào EU lập và ký trong các trường hợp quy định. Ngoài ra, Quy định cập nhật nội dung tối thiểu của chương trình tiêm phòng cúm gia cầm độc lực cao tại nước thứ ba; các biện pháp xử lý giảm thiểu rủi ro đối với sữa, sản phẩm sữa và sản phẩm trứng; danh sách các loài động vật thủy sản miễn cảm với một số bệnh mà các quốc gia thành viên áp dụng biện pháp quốc gia; và điều kiện xác định loài véc-tơ của bệnh động vật thủy sản trên cơ sở các ý kiến khoa học của Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Quy định cũng đính chính tiêu đề Điều 12, nội dung Điều 31 và một số nội dung tại Phụ lục IV của Quy định (EU) 2020/692. Quy định được công bố trên Công báo Liên minh châu Âu ngày 23/7/2026 và có hiệu lực từ ngày 12/8/2026.
9	G/SPS/N/USA/3531/Add.1	CNTY	Hoa Kỳ	24/7/2026	Hoa Kỳ ban hành quy định bãi bỏ việc cho phép sử dụng chất tạo màu Orange B để tạo màu cho vỏ bọc hoặc bề mặt xúc xích frankfurter và các loại xúc xích.	Hoa Kỳ ban hành quy định bãi bỏ việc cho phép sử dụng chất tạo màu Orange B để tạo màu cho vỏ bọc hoặc bề mặt xúc xích frankfurter và các loại xúc xích. Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) xác định việc sử dụng Orange B theo phạm vi được cho phép không còn được sử dụng trên thực tế; do đó, quy định hiện hành đã lỗi thời và không cần thiết. Trên cơ sở này, FDA bãi bỏ việc cho phép sử dụng Orange B trong thực phẩm theo quy định về chất tạo màu. Quy định có hiệu lực từ ngày 08/9/2026. Các ý kiến phản đối và đề nghị tổ chức phiên điều trần phải được gửi chậm nhất ngày 24/8/2026.
10	G/SPS/N/UKR/223/Rev.1/Add.1	CNTY	U-crai-na	23/7/2026	U-crai-na ban hành Quy định về yêu cầu bảo đảm phúc lợi động vật trong quá trình vận chuyển và thực hiện các hoạt động liên quan.	U-crai-na ban hành Quy định về yêu cầu bảo đảm phúc lợi động vật trong quá trình vận chuyển và thực hiện các hoạt động liên quan. Dự thảo Quy định trước đó được thông báo tại mã G/SPS/N/UKR/223/Rev.1. Quy định được đăng ký tại Bộ Tư pháp U-crai-na ngày 29/6/2026, công bố chính thức và có hiệu lực từ ngày 03/7/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
11	G/SPS/N/GBR/122/Add.1	TTBVT	Vương quốc Anh	22/7/2026	Vương quốc Anh thông báo thay đổi ngày áp dụng Quy định sửa đổi năm 2026 về Khung Windsor đối với Chương trình vận chuyển hàng bán lẻ liên quan đến kiểm dịch thực vật.	Vương quốc Anh thông báo thay đổi ngày áp dụng Quy định sửa đổi năm 2026 về Khung Windsor đối với Chương trình vận chuyển hàng bán lẻ liên quan đến kiểm dịch thực vật. Theo đó, Quy định đã được thông báo tại mã G/SPS/N/GBR/122 sẽ được áp dụng từ ngày 15/10/2026.
12	G/SPS/N/BRA/2318/Add.1	TTBVT	Bra-xin	20/7/2026	Bra-xin ban hành Quy định SDA/MAPA số 1.640 ngày 30/6/2026 về yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu thân rễ cây mẫu đơn (<i>Paeonia</i> spp.), thuộc Nhóm 4, được sản xuất tại mọi quốc gia.	Bra-xin ban hành Quy định SDA/MAPA số 1.640 ngày 30/6/2026 về yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu thân rễ cây mẫu đơn (<i>Paeonia</i> spp.), thuộc Nhóm 4, được sản xuất tại mọi quốc gia. Theo đó, lô hàng phải kèm theo Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do Cơ quan Bảo vệ thực vật quốc gia của nước xuất xứ cấp, trong đó xác nhận lô hàng đã được kiểm tra và không nhiễm <i>Agrotis segetum</i> , đồng thời đáp ứng các yêu cầu đối với các dịch hại được quy định. Tùy từng trường hợp, việc đáp ứng yêu cầu đối với các dịch hại này phải được chứng minh bằng việc kiểm tra nơi sản xuất kết hợp với kết quả phân tích lô hàng của phòng thử nghiệm chính thức hoặc bằng việc áp dụng quy trình kiểm dịch thực vật được Cơ quan Bảo vệ thực vật quốc gia Bra-xin phê duyệt, bao gồm các quy trình hoặc phương pháp chẩn đoán phù hợp. Căn cứ tình trạng dịch hại trên lãnh thổ, nước xuất xứ có thể sử dụng tuyên bố bổ sung thay thế, xác nhận từng dịch hại là dịch hại kiểm dịch không hiện diện hoặc không có mặt tại nước xuất xứ, với điều kiện nội dung tuyên bố đã được thông báo trước và được Cơ quan Bảo vệ thực vật quốc gia Bra-xin chấp thuận. Nước xuất xứ

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						cũng phải thông báo cho Bra-xin về mọi thay đổi trong tình trạng dịch hại trên lãnh thổ của mình. Lô hàng phải được kiểm tra kiểm dịch thực vật tại cửa khẩu và có thể bị lấy mẫu để phân tích tại phòng thử nghiệm chính thức hoặc phòng thử nghiệm được Bộ Nông nghiệp và Chăn nuôi Bra-xin công nhận; chi phí gửi mẫu và phân tích do bên có liên quan chịu. Trường hợp phát hiện dịch hại kiểm dịch hoặc dịch hại có nguy cơ kiểm dịch đối với Bra-xin, lô hàng sẽ bị tiêu hủy hoặc tái xuất; Cơ quan Bảo vệ thực vật quốc gia Bra-xin đồng thời có thể tạm đình chỉ nhập khẩu thân rễ cây mẫu đơn cho đến khi hoàn thành việc rà soát phân tích nguy cơ dịch hại. Lô hàng không đáp ứng các yêu cầu của Quy định sẽ không được phép nhập khẩu vào Bra-xin. Quy định có hiệu lực kể từ ngày công bố.
13	G/SPS/N/CAN/1624/Add.1	TTBVTV, CNTY	Ca-na-đa	15/7/2026	Ca-na-đa ban hành MRL đối với hoạt chất spidoxamat trong hoặc trên một số hàng hóa.	Ca-na-đa ban hành MRL đối với hoạt chất spidoxamat trong hoặc trên một số hàng hóa. Theo đó, tài liệu đề xuất MRL đối với spidoxamat, được thông báo trước đó tại mã G/SPS/N/CAN/1624 ngày 20/11/2025, đã được thông qua ngày 29/6/2026. Các MRL được thiết lập thông qua việc cập nhật vào Cơ sở dữ liệu MRL của Bộ Y tế Ca-na-đa. Các MRL được ban hành gồm: 1,5 ppm đối với nhóm quả hạch thuộc nhóm cây trồng 12-09; 1,0 ppm đối với nhóm quả nhỏ leo giàn, trừ kiwi lông, thuộc phân nhóm cây trồng 13-07F; 0,9 ppm đối với nhóm quả có múi thuộc nhóm cây trồng 10, bản sửa đổi, và hạt dẻ cười; 0,3 ppm đối với nhóm quả dạng táo thuộc nhóm cây trồng 11-09; và 0,01 ppm đối với nhóm hạt cây thuộc

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						nhóm cây trồng 14-11, trừ hạnh nhân và hạt dẻ cười. Đơn vị ppm là phần triệu. Thông báo gốc cho biết các MRL đối với hạt dẻ cười, quả dạng táo, quả hạch, nhóm quả nhỏ leo giàn và nhóm hạt cây được đề xuất trong quá trình xem xét đăng ký spidoxamat và các sản phẩm chứa hoạt chất này để sử dụng tại Ca-na-đa. Kết quả đánh giá cho thấy các sản phẩm có giá trị sử dụng, đồng thời rủi ro đối với sức khỏe con người và môi trường từ các mục đích sử dụng được đề xuất ở mức chấp nhận được. Đối với nhóm quả có múi, MRL được đề xuất cho hàng hóa nhập khẩu nhằm cho phép nhập khẩu và bán tại Ca-na-đa thực phẩm có thể chứa dư lượng spidoxamat. Bộ Y tế Ca-na-đa xác định rằng dư lượng phát sinh khi hoạt chất này được sử dụng theo hướng dẫn trên nhãn tại nước xuất khẩu không gây quan ngại đối với sức khỏe con người. Tại thời điểm công bố thông báo gốc, chưa có MRL Codex đối với spidoxamat trong hoặc trên các hàng hóa nêu trên. Các MRL do Ca-na-đa đề xuất tương đương với các mức tương ứng dự kiến được Hoa Kỳ ban hành. Các hàng hóa thuộc nhóm và phân nhóm cây trồng nêu trên được xác định theo danh mục nhóm cây trồng về hóa học dư lượng của Ca-na-đa. Các MRL đã ban hành có thể được tra cứu trong Cơ sở dữ liệu MRL của Bộ Y tế Ca-na-đa. Thông báo này không áp dụng thời hạn góp ý.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
14	G/SPS/N/CAN/1619/Add.1	TTBVT, CNTY	Ca-na-đa	15/7/2026	Ca-na-đa ban hành MRL đối với hoạt chất ethiprole trong hoặc trên thân mía.	Ca-na-đa ban hành MRL đối với hoạt chất ethiprole trong hoặc trên thân mía. Theo đó, tài liệu đề xuất MRL đối với ethiprole, được thông báo trước đó tại mã G/SPS/N/CAN/1619 ngày 13/11/2025, đã được thông qua ngày 29/6/2026. MRL được thiết lập thông qua việc cập nhật vào Cơ sở dữ liệu MRL của Bộ Y tế Ca-na-đa. MRL được ban hành đối với ethiprole là 0,1 ppm trong hoặc trên thân mía. Đơn vị ppm là phần triệu. Thông báo gốc cho biết MRL này được đề xuất đối với hàng hóa nhập khẩu nhằm cho phép nhập khẩu và bán tại Ca-na-đa thực phẩm có thể chứa dư lượng ethiprole. Tại thời điểm công bố thông báo gốc, ethiprole chưa được đăng ký sử dụng tại Ca-na-đa. MRL áp dụng đối với thân mía nhập khẩu khi hoạt chất này được sử dụng theo hướng dẫn trên nhãn tại nước xuất khẩu để kiểm soát rầy bọ (Aeneolamia spp.). Kết quả đánh giá của Bộ Y tế Ca-na-đa cho thấy dư lượng ethiprole trong thân mía nhập khẩu ở mức MRL nêu trên không gây quan ngại về sức khỏe đối với người tiêu dùng. Tại thời điểm công bố thông báo gốc, chưa có MRL Codex đối với ethiprole trong hoặc trên thân mía. MRL đã ban hành có thể được tra cứu trong Cơ sở dữ liệu MRL của Bộ Y tế Ca-na-đa. Thông báo này không áp dụng thời hạn góp ý.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
15	G/SPS/N/CAN/1608/Add.1	TTBVT, CNTY	Ca-na-đa	15/7/2026	Ca-na-đa ban hành MRL đối với hoạt chất fluoxapiprolin trong hoặc trên một số hàng hóa.	Ca-na-đa ban hành mức dư lượng tối đa đối với hoạt chất fluoxapiprolin trong hoặc trên một số hàng hóa. Theo đó, đề xuất mức dư lượng tối đa đối với fluoxapiprolin, được thông báo trước đó tại mã G/SPS/N/CAN/1608 ngày 16/9/2025, đã được thông qua ngày 29/6/2026. Các mức dư lượng tối đa được thiết lập thông qua việc cập nhật vào Cơ sở dữ liệu MRL của Bộ Y tế Ca-na-đa. Các MRL được ban hành gồm: 6,0 ppm đối với rau ăn lá thuộc nhóm cây trồng 4-13, trừ xà lách búp; 2,0 ppm đối với hành lá thuộc phân nhóm cây trồng 3-07B; 1,5 ppm đối với rau ăn cuống lá thuộc phân nhóm cây trồng 22B; 0,8 ppm đối với nhóm rau họ cải ăn bắp và thân thuộc nhóm cây trồng 5-13 và xà lách búp; 0,5 ppm đối với nho khô; 0,2 ppm đối với nhóm quả nhỏ leo giàn, trừ kiwi lông, thuộc phân nhóm cây trồng 13-07F và cà chua khô; 0,07 ppm đối với rau họ bầu bí thuộc nhóm cây trồng 9; 0,06 ppm đối với rau ăn quả thuộc nhóm cây trồng 8-09; 0,03 ppm đối với hành củ thuộc phân nhóm cây trồng 3-07A; và 0,01 ppm đối với rau dạng củ và thân củ thuộc phân nhóm cây trồng 1C; mỡ, thịt và phụ phẩm thịt của bò, dê, lợn, ngựa, gia cầm và cừu; trứng, sữa và dâu tây. Thông báo gốc đề xuất các MRL nêu trên để lấy ý kiến trong quá trình Ca-na-đa xem xét đăng ký fluoxapiprolin sử dụng trên một số loại hàng hóa. Mục tiêu của biện pháp là bảo đảm an toàn thực phẩm. Tại thời điểm công bố tài liệu đề xuất, chưa có MRL Codex đối với fluoxapiprolin.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Các hàng hóa thuộc nhóm và phân nhóm cây trồng nêu trên được xác định theo danh mục nhóm cây trồng về hóa học dư lượng của Ca-na-đa. Các MRL đã ban hành có thể được tra cứu trong Cơ sở dữ liệu MRL của Bộ Y tế Ca-na-đa. Thông báo này không áp dụng thời hạn góp ý.

- Nội dung chi tiết được đăng tải tại: www.spsvietnam.gov.vn

- Ghi chú chữ viết tắt liên quan đến các lĩnh vực/đơn vị quản lý nhà nước: ATTP: An toàn thực phẩm (Cục ATTP - Bộ Y tế); TTBVTV: Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; CCPT: Chất lượng, chế biến và Phát triển thị trường; CNTY: Chăn nuôi và Thú y; TSKN: Cục thủy sản và Kiểm ngư; BCT: Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương.